

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ-TM-DV ĐIỆN LỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 48 /TB-EIN-TCKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 05 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

I. Giới thiệu về tổ chức công bố thông tin:

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư-Thương mại – Dịch vụ Điện Lực (ECINVEST)
- Mã chứng khoán: EIN
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 04 Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, Tp. HCM
- Điện thoại: 028. 22152585

II. Nội dung công bố thông tin:

Công ty Cổ phần Đầu tư – Thương Mại – Dịch vụ Điện lực (EIN) xin gửi Thông báo đến Quý cổ đông và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc báo cáo thường niên năm 2021.

Chúng tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Trân trọng.

Trân trọng.

CÔNG TY CPĐT-TM-DV ĐIỆN LỰC
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCKT,VT.
- Gửi UBCKNN;HNX;
- Website EIN.



Phùng Hoài Ngọc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC

Số 04, Nguyễn Siêu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (028) 73007068 Số fax: (028) 22103296

Website: www.ecinvest.vn



2021
BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

THÔNG TIN CHUNG 01

Thông tin khái quát	7
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	11
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	17
Định hướng phát triển	21
Các rủi ro	23

MỤC LỤC

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH 02

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	29
Tổ chức nhân sự	31
Tình hình đầu tư, thực hiện dự án	39
Tình hình tài chính	43
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	47
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	51

03 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

57	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
59	Tình hình tài chính
61	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
62	Kế hoạch phát triển tương lai
62	Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

65	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
66	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty
66	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

69	Hội đồng quản trị
75	Ban kiểm soát
79	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

85	Ý kiến kiểm toán
88	Báo cáo tài chính kiểm toán





THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC
Tên tiếng Anh:	ELECTRICITY INVESTMENT - SERVICE - TRADE JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	ECINVEST
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0305128163 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 vào ngày 16/07/2020
Vốn điều lệ:	841.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	454.071.610.000 đồng
Địa chỉ:	Số 04, Nguyễn Siêu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại:	(028) 73007068
Số fax:	(028) 22103296
Website:	www.ecinvest.vn
Mã cổ phiếu:	EIN

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

NĂM 2007

Được Tập đoàn Điện lực thông qua Phương án thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ Điện lực tại Quyết định số 782/QĐ-EVN-TCCB&ĐT ngày 16 tháng 04 năm 2007 với cổ đông sáng lập là Công ty Điện lực 2 và CB.CNV thuộc Công ty Điện lực 2.

Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ Điện lực, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103007426 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/07/2007 với vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 835.000.000.000 đồng. Số vốn điều lệ thực góp lúc thành lập là 275.131.250.000 đồng.

Hoạt động kinh doanh đa dạng trong các lĩnh vực như: nhà hàng - khách sạn, dịch vụ lễ hành, kinh doanh bất động sản, các hoạt động đầu tư liên quan đến điện,

NĂM 2009

Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ thực góp từ 275.131.250.000 đồng lên 304.071.610.000 đồng.

NĂM 2018

Công ty đẩy mạnh hoạt động tài chính, hợp tác với Công ty Cổ phần Giải pháp thanh toán Điện lực để thực hiện thu hộ tiền điện. Đây là hoạt động mang tính chiến lược và mang lại doanh thu bền vững cho Công ty.

NĂM 2020

Công ty thực hiện tăng vốn bằng hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ, theo đó vốn điều lệ thực góp tăng lên từ 304.071.610.000 đồng lên 454.071.610.000 đồng.

Hiện tại Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305128163 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu 30/07/2007, thay đổi lần thứ 8 ngày 16/07/2020 với số vốn điều lệ là 841.000.000.000 đồng.

Công ty đang tập trung đầu tư hoạt động kinh doanh bất động sản và đã tiến hành triển khai các dự án Cao ốc văn phòng, khách sạn cao cấp (tiêu chuẩn 4-5 sao), khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp tại một số địa phương có tiềm năng du lịch lớn: Cần Thơ, Phú Quốc, Ninh Thuận, Nha Trang. Dựa trên tình hình phát triển của thị trường, Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư ở lĩnh vực này để bắt kịp những nhu cầu của xã hội theo từng giai đoạn.






Công ty luôn chú trọng phát triển lĩnh vực kinh doanh liên quan đến ngành điện, vốn là thế mạnh của Công ty như: thu hộ tiền điện ứng trước, tư vấn thiết kế các công trình điện, nhà máy điện năng lượng mặt trời, ...

Song song đó, nắm bắt được xu hướng thời đại và nhu cầu tất yếu trong cuộc sống, Công ty cũng xác định mục tiêu lâu dài là chú trọng khai thác tiềm năng của lĩnh vực lễ hành - khách sạn - nhà hàng.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

-  Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn;
-  Hoạt động kinh doanh bất động sản;
-  Hoạt động thương mại xuất nhập khẩu và dịch vụ điện; Thu hộ tiền điện ứng trước; Hoạt động dịch vụ lữ hành, bán vé máy bay
-  Thi công lắp đặt điện công trình dân dụng, công nghiệp và xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
-  Khảo sát địa chất công trình xây dựng; Thiết kế điện công trình đường dây và trạm; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng-công nghiệp; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; quản lý dự án; thẩm tra thiết kế điện công trình đường dây và trạm điện.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty chủ yếu hoạt động ở Thành phố Hồ Chí Minh

SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CHÍNH

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NHÀ HÀNG KHÁCH SẠN

Khách sạn Du lịch Điện Lực

Tọa lạc tại vị trí đắc địa của Thành phố Hồ Chí Minh, cách nhà hát Thành phố chỉ 500m, gần các điểm du lịch nổi tiếng như Dinh Thống Nhất, Chợ Bến Thành, Nhà Thờ Đức Bà,... Khách sạn du lịch Điện lực với sức chứa 50 phòng đầy đủ tiện nghi, 10 phòng cao cấp cung cấp đầy đủ các dịch vụ thiết yếu cho du khách lưu trú như nhà hàng, thuê xe du lịch,... sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu của các đoàn khách hoặc khách lẻ.

Khách sạn Du lịch Điện Lực Vũng Tàu

Khách sạn Du lịch Điện lực Vũng Tàu được đi vào hoạt động từ khá sớm, từ năm 1992. Qua hơn 29 năm hình thành và phát triển, Khách sạn đã không ngừng đổi mới trang thiết bị cũng như phong cách phục vụ, cùng với hệ thống trang bị hiện đại và phong cách phục vụ chuyên nghiệp. Khách sạn Du lịch Điện lực Vũng Tàu đạt tiêu chuẩn 2 sao, có tổng số 80 phòng được trang bị đầy đủ tiện nghi và dịch vụ. Tất cả các phòng ngủ đều được thiết kế trang nhã không chỉ mang tính thẩm mỹ mà còn đem đến sự ấm cúng và thoải mái, nhằm đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi và thư giãn của khách du lịch cả trong nước và ngoài nước. Phòng ngủ có diện tích rộng, được bố trí các loại giường đôi, giường đơn, phòng gia đình, phòng tập thể... Khách sạn nằm cạnh bãi tắm Thùy Vân, dưới chân núi Nghinh Phong, nơi có tượng chúa Giesu – một thắng cảnh tuyệt vời và nổi tiếng của Thành phố biển Vũng Tàu.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (tiếp theo)

SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CHÍNH

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

Dự án Chung cư cao tầng An Dương Vương – Điện lực (Peridot building)

Địa điểm, vị trí:	226/51 An Dương Vương, Phường 16, Quận 8, TP HCM
Quy mô, diện tích:	1.801,8 m ²
Tình trạng:	Dự án được phê duyệt theo Nghị quyết số 106/NQ-PIST-HĐQT ngày 27/12/2013 của Hội đồng quản trị với tổng mức đầu tư là 153,505 tỷ VNĐ. Tại thời điểm 31/12/2021 tồn kho 06 căn hộ và 03 sàn thương mại.

Dự án Khu khách sạn du lịch nghỉ dưỡng Điện lực tại Ninh Thuận

Địa điểm, vị trí:	Khu quy hoạch du lịch bãi biển Bình Sơn – Ninh Chữ (Khu C), xã Mỹ Hải, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.
Quy mô, diện tích:	3 ha
Tình trạng:	Hồ sơ thiết kế hiện có từ năm 2011, trong khi địa phương đã thay đổi quy hoạch (đường nối từ Yên Ninh ra Biển Đông) đã làm ảnh hưởng lớn đến Công trình. Trong năm 2019 – 2020 Công ty đã làm việc với đơn vị tư vấn nghiên cứu, đánh giá thị trường để thiết kế lại toàn bộ công trình đảm bảo tính kinh tế, phù hợp nhất với thị trường và quy hoạch địa phương. Do tình hình dịch bệnh COVID - 19 diễn biến phức tạp và kéo dài trong năm 2021, Công ty sẽ thực hiện các bước triển khai xây dựng khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát và được sự cho phép của các cơ quan ban ngành.

Dự án Khu nhà vườn Cồn Khương

Địa điểm, vị trí:	Khu đất quy hoạch là một phần của quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu nhà vườn Cồn Khương, Khu đất thuộc phường An Thới (Nay là phường Bùi Hữu Nghĩa), quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
Quy mô, diện tích:	140.499 m ²
Tình trạng:	Hiện tại công tác đền bù, giải phóng mặt bằng đang ngưng từ năm 2012 đến nay. Đây là dự án mà Công ty đã hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Nam Long. Công ty TNHH Nam Long là chủ đầu tư của dự án. Năm 2018, Công ty TNHH Nam Long đã nộp hồ sơ khởi kiện lên Trung tâm trọng tài thương mại Cần Thơ để nghị chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa 2 bên. Ngày 12/02/2019, Trung tâm trọng tài Thương mại Cần Thơ đã ra phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 01/2018 xử đồng ý chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa 02 bên và yêu cầu Công ty bồi thường và vi phạm hợp đồng. Công ty không đồng ý với phán quyết trên và đã nộp đơn lên Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ để yêu cầu hủy phán quyết của Trung tâm trọng tài Thương mại Cần Thơ. Tháng 06/2019, TAND Tp. Cần Thơ đã ra phán quyết tuyên hủy hiệu lực của Trung tâm trọng tài Thương mại Cần Thơ.

Dự án Khu nghỉ dưỡng Điện lực tại Khu du lịch Bãi Thơm - Phú Quốc

Địa điểm, vị trí:	Khu du lịch Bãi Thơm, xã Bãi Thơm, huyện Phú Quốc
Quy mô, diện tích:	Khoảng 27 ha
Tình trạng:	Dự án đã được Ban Quản lý kinh tế Phú Quốc chấp nhận chủ trương đầu tư và cấp giấy chứng nhận đầu tư. Công ty đang tiến hành các thủ tục đầu tư như đánh giá tác động môi trường và xin điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (tiếp theo)

SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CHÍNH

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ LỮ HÀNH, BÁN VÉ MÁY BAY

Cùng với tiến trình hội nhập Tổ chức thương mại thế giới - WTO và xu hướng toàn cầu hóa hiện nay, Vietlife Travel đã ra đời để đáp ứng nhu cầu du lịch đang ngày càng phát triển mạnh. Với một đội ngũ nhân viên yêu nghề, năng động, sáng tạo, có thâm niên và kinh nghiệm trong ngành hơn 15 năm và một bộ máy tổ chức có phong cách làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, Vietlife Travel đã tổ chức thành công nhiều tour du lịch trong và ngoài nước cho các đơn vị khách hàng như: Tổng Công ty Điện lực Miền Nam, Công ty cổ phần nhựa Bình Minh,...

Chương trình du lịch trong nước phong phú và đa dạng với các điểm đến như Nha Trang, Đà Lạt, Phan Thiết, Vũng Tàu,... Bên cạnh đó là chương trình du lịch nước ngoài thường xuyên như: Thái Lan, Singapore, Malaysia, Trung Quốc, Hong Kong, Campuchia,...

Trong năm 2020, Công ty TNHH MTV dịch vụ lữ hành Cuộc Sống Việt (Vietlife Travel) đã tiến hành tăng vốn và chuyển đổi mô hình sang Công ty Cổ phần nhằm kêu gọi nguồn lực và các nhà đầu tư chiến lược để thực hiện kế hoạch chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu khách hàng đầu tư vào công nghệ trực tuyến, kết hợp cùng đối tác chiến lược, triển khai bán hàng thông qua các giao dịch viên trên hệ thống mạng lưới EClife cả nước.

Bằng kinh nghiệm, sự tận tâm và những nỗ lực hoàn thiện không ngừng của tập thể CBNV, Vietlife Travel tự tin trở thành nhà tổ chức chuyên nghiệp các loại hình du lịch: từ du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, du lịch kết hợp khảo sát hay hội nghị cho nhiều đối tượng khách hàng khác nhau. Với tiêu chí chăm sóc khách hàng: tận tâm đến từng cá nhân, chu đáo với mỗi gia đình, đồng hành cùng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, đoàn thể,... thương hiệu Vietlife Travel ngày càng vững mạnh trên thị trường du lịch, mang lại những dịch vụ cao, giá cả phải chăng phục vụ quý khách hàng gần xa.



HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VÀ DỊCH VỤ ĐIỆN

Từ năm 2015 Công ty bắt đầu triển khai hoạt động thương mại xuất nhập khẩu như mua bán sắt thép, phân bón. Trong năm 2020, doanh thu hoạt động thương mại xuất nhập khẩu đạt hơn 61 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đã triển khai các hoạt động liên quan đến dịch vụ phục vụ cho ngành điện khác như: dịch vụ thu hộ tiền điện phối hợp với Công ty Cổ phần Giải pháp thanh toán Điện Lực và Viễn thông để làm đại lý thu hộ tiền điện tại các công ty Điện lực.



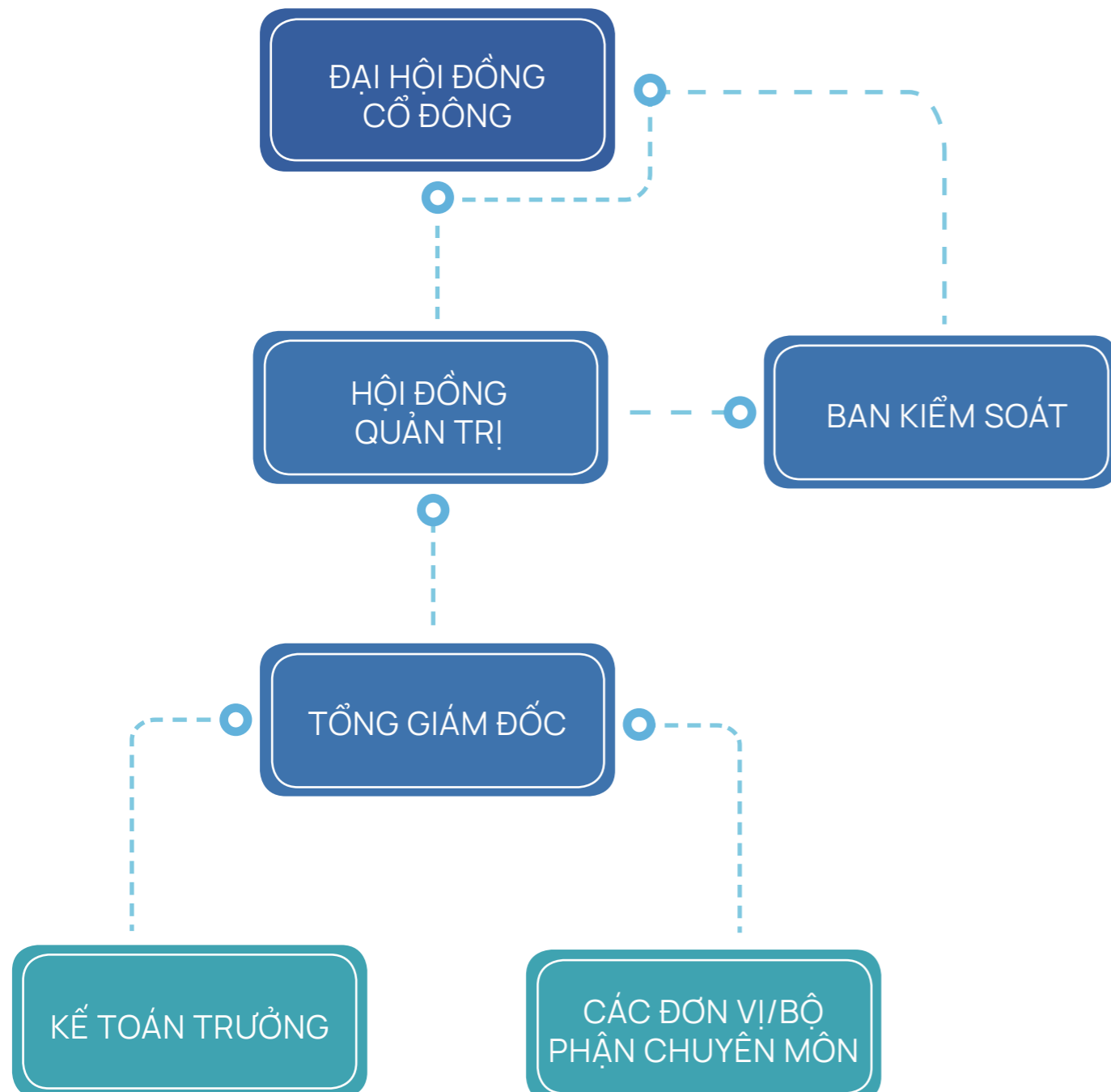


THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Là cơ quan quản lý Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu ra, đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay gồm 05 thành viên:

Ông LÃ QUANG BÌNH	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông PHÙNG HOÀI NGỌC	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông NGUYỄN DUY TÂN	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông HOÀNG HUY HÙNG	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông TRẦN NGỌC THẮNG	Thành viên Hội đồng quản trị

BAN KIỂM SOÁT

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát Công ty hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện của mình.

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay gồm 03 thành viên:

Bà HÀ THÙY NGÂN	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà ĐỖ THỊ KIM DUNG	Kiểm soát viên
Bà PHAN THỊ HOÀNG YẾN	Kiểm soát viên



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc chuyên trách, có trách nhiệm lãnh đạo hoạt động toàn Công ty. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự quản lý của Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh đúng quy trình quy định.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty hiện nay gồm 03 thành viên:

<u>Ông PHÙNG HOÀI NGỌC</u>	Tổng Giám đốc
<u>Ông TRẦN NGỌC THẮNG</u>	Giám đốc chi nhánh Hà Nội
<u>Bà HOÀNG THỊ THU LÀI</u>	Phó Tổng Giám đốc đầu tư

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Là người trực tiếp giúp Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Công ty.

- Hạch toán, kế toán, thanh toán cho các đối tượng;
- Quản lý, sử dụng hóa đơn GTGT;
- Tổng hợp kê khai nộp thuế, hoàn thuế;
- Báo cáo thống kê, quyết toán tài chính, thuế theo định kỳ của Nhà nước;
- Xử lý công nợ; Thông báo kịp thời về hàng tồn kho với Trung tâm kinh doanh của Công ty để có kế hoạch tiêu thụ;
- Mọi công việc điều hành và quản lý phải tuân thủ tuyệt đối hệ thống chuẩn mực Kế toán; pháp luật về thuế và những quy định quản lý tài chính – kế toán khác của Công ty và Nhà nước;

Kế toán trưởng công ty:

<u>Bà LÃ THỊ VƯƠNG QUÝ</u>	Kế toán trưởng
----------------------------	----------------

CÁC ĐƠN VỊ/BỘ PHẬN CHUYÊN MÔN

Có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Tổng giám đốc

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

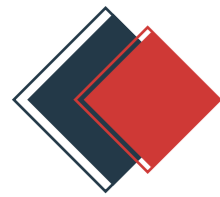
STT	Tên Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
1	Công ty Cổ phần TMDV Xuất nhập khẩu và Du lịch Cuộc sống Việt	Số 4, Nguyễn Siêu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM	Du lịch lữ hành trong và ngoài nước Đại lý bán vé máy bay Dịch vụ vận chuyển	70%
2	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Thương mại, Dịch vụ Điện lực Hà Nội (*)	Số 284A, Ngõ 230, Ngách 21/21, Mễ Trì Thượng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	100%

(*) Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng.

Công ty không có Công ty liên kết

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC KHÔNG CÓ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC

STT	Tên	Địa chỉ
1	Văn phòng Công ty	Số 4, Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM
2	Khách sạn Du lịch Điện lực	Số 5/11, Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM
3	Khách sạn Du lịch Điện lực Vũng Tàu	Số 147 Phan Chu Trinh, phường 12, TP Vũng Tàu
4	Chi nhánh Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Điện lực - Sàn Giao dịch BĐS Ngôi nhà Tương Lai	Số 25 - 25A Tăng Bạt Hổ, quận Bình Thạnh, TP. HCM
5	Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Điện lực - Chi nhánh Hà Nội	Số 89 Giang Văn Minh, quận Ba Đình, TP. Hà Nội



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Với hoạt động chính là lĩnh vực đầu tư, để thực hiện được những dự án đang có và tiếp tục tìm kiếm những dự án mới đem lại hiệu quả đầu tư cao, Ban Điều hành Công ty đặt mục tiêu trở thành một Doanh nghiệp nhận được nhiều sự tin nhiệm của khách hàng, nhà đầu tư và đối tác với các nội dung chính như sau:

- Khẳng định vị thế của Công ty trên thị trường trong các lĩnh vực kinh doanh trọng tâm: dịch vụ lõi hành nội địa và quốc tế, dịch vụ lưu trú, các dịch vụ ngành điện.
- Phấn đấu đạt mục tiêu trở thành doanh nghiệp đa ngành nghề, đa chức năng có uy tín trên thị trường trong và ngoài nước.
- Đảm bảo phát triển bền vững thông qua chính sách đầu tư có trọng điểm vào ngành nghề kinh doanh chính tạo ra lợi thế cạnh tranh và xây dựng thương hiệu.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo nhằm phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, góp phần nâng cao năng suất lao động, tối ưu chi phí và tạo lợi thế cạnh tranh.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, Xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Đối với hoạt động đầu tư: Hợp tác phát triển dự án với các đối tác chiến lược toàn diện, tìm kiếm những cơ hội đầu tư, tái cơ cấu các dự án kém hiệu quả, chuyển nhượng các dự án, vốn đã đầu tư vào dự án không hiệu quả để đem lại quyền lợi cao nhất cho cổ đông của Công ty.
- Hoạt động quản trị: Phát huy cơ cấu tổ chức tập trung, tiết giảm chi phí và tăng năng suất lao động.
- Đối với hoạt động kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn: Đầu tư nâng cấp Khách sạn Điện Lực Vũng Tàu để nâng cao chất lượng dịch vụ, hình thành chuỗi giá trị nhà hàng, khách sạn với tiêu chuẩn cao cấp. Song song đó tiến hành xây dựng Khu nghỉ dưỡng Điện lực Ninh Thuận để bổ sung thêm chuỗi cung cấp dịch vụ của công ty.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY



Công ty phấn đấu vừa đảm bảo doanh thu và lợi nhuận của Công ty, vừa đạt được các mục tiêu bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính. Công ty đặt mục tiêu phát triển cộng đồng bền vững như tạo cơ hội phát triển cho các thành phần kinh tế ở địa phương theo hướng công bằng, bình đẳng, góp phần ổn định an ninh xã hội.



CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Hoạt động sản xuất của một doanh nghiệp không chỉ chịu sự tác động từ những yếu tố bên trong mà còn chịu sự ảnh hưởng từ những yếu tố vĩ mô của nền kinh tế. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro có hệ thống, trong đó các yếu tố vĩ mô cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh bao gồm tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, v.v. Sự biến động của các yếu tố này sẽ tác động một cách hệ thống tới đa số các ngành nghề kinh doanh trong nền kinh tế.

Theo Tổng cục thống kê Việt Nam, tăng trưởng GDP năm 2021 đạt 2,58% (quý I tăng 4,72%; quý II tăng 6,73%; quý III giảm 6,02%; quý IV tăng 5,22%) so với năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III/2021 nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh.

Theo Tổng cục Du lịch Việt Nam, do ảnh hưởng của đợt dịch thứ tư, lượng du khách nội địa Việt Nam giảm 16% so với cùng kỳ năm trước. Do nhiều quốc gia phải thực hiện các biện pháp phong tỏa, hạn chế đi lại, tăng cường kiểm dịch dẫn đến các hoạt động di chuyển lưu trú, các loại hình dịch vụ trong và ngoài nước giảm mạnh. Sự sụt giảm về lượng khách đi lại khiến cho các khách sạn hầu như vắng khách, công suất tiêu thụ phòng của các khách sạn giảm mạnh. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh bất động sản du lịch - nghỉ dưỡng của Công ty cũng giảm nhịp bởi đại dịch làm suy yếu lực cầu thị trường, kém hiệu quả trong thu hút đầu tư.

Nhờ chủ trương về Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ quy định tạm thời về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 và việc triển khai vắc-xin ngừa Covid-19 được đẩy nhanh tốc độ đã mở ra cơ hội mới để các doanh nghiệp hoạt động ổn định trở lại.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đều phải chịu sự chi phối của pháp luật. Pháp luật tạo ra hệ thống, cơ sở để thị trường thương mại, kinh doanh hoạt động một cách công bằng, hợp lý và có nguyên tắc. Mọi thay đổi trong chính sách của chính phủ đều có tác động tới quá trình hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ Điện lực nói riêng.



Hiện nay, Công ty đang hoạt động dưới loại hình Công ty cổ phần do đó công ty chịu sự quản lý từ các quy định pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, các luật Thuế, Luật chứng khoán, các quy định riêng tại Sở giao dịch chứng khoán và các quy định khác có liên quan.

Ngoài ra, kinh doanh dịch vụ lưu trú, bất động sản là ngành nghề kinh doanh có điều kiện nên Công ty cũng chịu ràng buộc của các chính sách và các quy định của pháp luật điển hình như Luật Du lịch, Luật Kinh doanh Bất động sản, các thủ tục pháp lý về đất đai, môi trường,... Chính vì sự ràng buộc này đã dẫn đến nhiều khó khăn cho Công ty mỗi khi Luật lại áp dụng các quy định khác nhau. Đồng thời, Hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện.

Sự thay đổi của Luật và các văn bản dưới Luật sẽ có ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động vận hành doanh nghiệp. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành vào 26/11/2019 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được ban hành vào 17/06/2020 cùng có hiệu lực từ 01/01/2021. Do đó, Công ty luôn tập trung cập nhật những thay đổi này để kịp thời nắm bắt quy định, xây dựng một hệ thống quản trị, kinh doanh hiệu quả và khoa học, phù hợp hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và phát triển tại Việt Nam và quốc tế



CÁC RỦI RO (tiếp theo)

RỦI RO CẠNH TRANH

Cùng với sự phát triển của du lịch Việt Nam, hệ thống cơ sở lưu trú ngày càng được đầu tư, đổi mới theo hướng hiện đại, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hệ thống cơ sở lưu trú du lịch trong nước ngày càng được mở rộng để đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách. Mức độ cạnh tranh ngành tương đối cao và đang có xu hướng tăng lên trước tình hình ngành du lịch và kinh doanh dịch vụ lưu trú ở Việt Nam đang ngày càng phát triển.

Hiện nay, có hàng nghìn doanh nghiệp đang kinh doanh trong lĩnh vực khách sạn tại Việt Nam. Ngoài các tập đoàn lớn trên thế giới chuyên quản lý và điều hành khách sạn còn có sự tham gia lâu đời từ các công ty trong nước. Các Công ty này với tiềm lực tài chính dồi dào, bề dày kinh nghiệm đã chiếm lĩnh thị trường, gia tăng sức ép cạnh tranh đối với Công ty. Bên cạnh đó, chất lượng dịch vụ của các cơ sở lưu trú đều được tiêu chuẩn hóa bằng những quy định cụ thể nên các khách sạn cạnh tranh với nhau bằng giá phòng và chất lượng dịch vụ. Cạnh tranh khiến giá dịch vụ thấp trong bối cảnh giá thành ngày càng cao, làm hiệu quả kinh doanh của Công ty thấp, thời gian thu hồi vốn lâu.



Các chiến lược, chính sách nâng cao năng lực cạnh tranh luôn được Công ty chú trọng nhằm đảm bảo thị phần Công ty. Cụ thể, Công ty triển khai các ứng dụng công nghệ hiện đại để việc quản lý phòng, check-in, check-out nhanh chóng, gia tăng sự hài lòng cho khách hàng. Đồng thời, Công ty không ngừng đầu tư, phát triển, hoàn thiện cơ sở hạ tầng hướng đến thu hút nhiều khách du lịch.

RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro kể trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc duy trì hoạt động kinh doanh của Công ty. Các rủi ro khác có thể kể đến đó là: thiên tai, lũ lụt, cháy nổ, chiến tranh, dịch bệnh... Để giảm thiểu các thiệt hại khi xảy ra rủi ro bất khả kháng Công ty đã có những phương án dự phòng như: lắp đặt các hệ thống báo cháy, chống cháy, lên các phương án dự phòng đối phó với các tình huống bất ngờ...

RỦI RO MÔI TRƯỜNG



Biến đổi khí hậu là một vấn đề thời sự và đang có sức tác động mạnh mẽ hơn so với dự báo. Du lịch Việt Nam với thế mạnh tập trung vào biển đảo sẽ đứng trước thách thức vô cùng lớn và khó lường trước ảnh hưởng của triều cường, mực nước biển dâng, bão, lũ lụt, lở đất,... Thời tiết khắc nghiệt đã tác động trực tiếp gây khó khăn, trở ngại tới ngành du lịch nói chung và ngành dịch vụ lưu trú, bất động sản du lịch - nghỉ dưỡng nói riêng. Ngoài ra ô nhiễm môi trường cục bộ đang trở thành mối đe dọa đối với điểm đến du lịch nếu chậm có giải pháp kiểm soát thích đáng, nhất là du lịch sinh thái, du lịch xanh đang trở thành một xu hướng phổ biến hiện nay.

Chính vì vậy, yếu tố môi trường luôn được Công ty quan tâm hàng đầu. Bằng kinh nghiệm hơn 10 năm, Công ty luôn chú trọng đến phát triển du lịch bền vững, bảo vệ môi trường, bảo vệ tự nhiên, bảo tồn các giá trị văn hóa,... Khi triển khai dự án, Công ty luôn phân tích, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu tư để đưa ra biện pháp bảo vệ môi trường.

RỦI RO NGUỒN NHÂN LỰC

Tính chất của ngành dịch vụ lưu trú là luôn cần một lực lượng lao động chuyên nghiệp. Tuy nhiên, chất lượng nguồn nhân lực của Công ty vẫn còn nhiều bất cập, ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ, hiệu quả của công tác quản lý điều hành, công tác xúc tiến quảng bá thu hút khách hàng. Đặc biệt, sự biến động về nguồn nhân lực luôn diễn ra ở mức độ cao, lực lượng lao động giỏi, người có khả năng điều hành còn thiếu so với nhu cầu thực tế.



Chính vì vậy, Công ty luôn chuẩn bị sẵn sàng để giảm thiểu rủi ro này bằng cách chăm sóc tốt điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động, thường xuyên chăm lo đào tạo nâng cao trình độ tay nghề của đội ngũ nhân viên. Tuyển dụng, phát hiện, bồi dưỡng và đào tạo các cấp quản lý trung gian. Bên cạnh đó, các cán bộ quản lý cấp cao của Công ty thường xuyên được đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao năng lực quản lý.

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2020	TH năm 2021	KH năm 2021	%Tăng/giảm so với năm trước	% TH 2021/ KH năm 2021
1	Tổng doanh thu	181.082.852	69.775.224	1.000.000.000	38,53%	6,98%
2	Lợi nhuận trước thuế	31.025.482	1.772.650	100.000.000	-1750,23%	-29252,83%
3	Cổ tức	0	-	5%	-	-

Trong năm 2021, tổng doanh thu của Công ty đạt 69,775 tỷ đồng, giảm 111,307 tỷ đồng, tương ứng giảm 61,47% so với năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu là do làn sóng dịch bệnh Covid – 19 lần thứ tư bùng phát và lây lan nhanh chóng tại các tỉnh thành miền Nam, trong đó có thành phố Hồ Chí Minh – địa bàn hoạt động chính của doanh nghiệp khiến hoạt động kinh doanh của Công ty bị giới hạn.

Hoạt động của nhóm ngành cung cấp dịch vụ du lịch, lữ hành, bất động sản và thương mại điện lực chịu tác động nghiêm trọng do lệnh giãn cách xã hội theo chỉ thị 15 và 16 của Chính phủ. Các hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty hầu như đã bị đóng băng hoàn toàn trong khoảng thời gian ba quý đầu năm 2021.

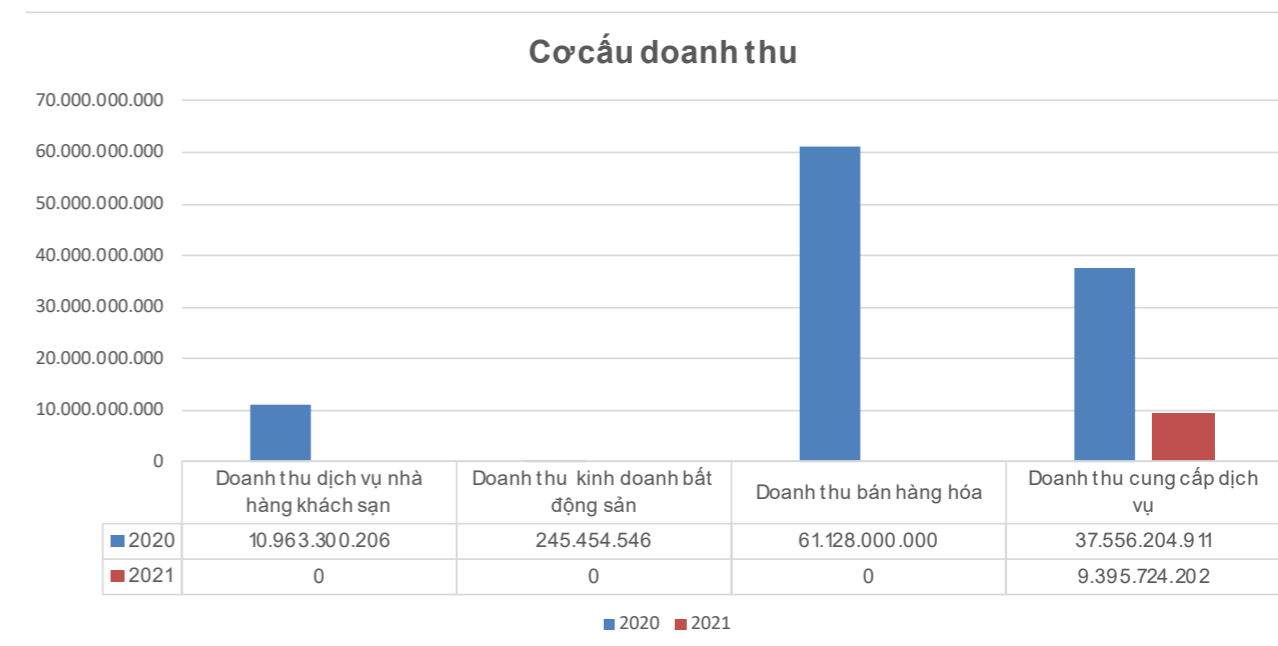
Đến quý 4 năm 2021, tốc độ bao phủ vaccine được đẩy nhanh và các lệnh gỡ bỏ giãn cách xã hội được ban hành đã giúp hoạt động của công ty thông suốt trở lại. Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế của Công ty năm 2021 đạt 1,772 tỷ đồng, giảm 29,25 tỷ đồng tương ứng 1.750,23%.

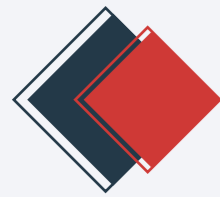
Do các khoản doanh thu bị ảnh hưởng tiêu cực và chi phí tài chính tăng lên đã khiến lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm giảm 14,314 tỷ đồng so với năm 2020. Nhìn chung, tuy tình hình hoạt động trong năm 2021 không khả quan so với năm 2020 nhưng việc Việt Nam mở cửa toàn bộ hoạt động du lịch sẽ là chìa khóa cho triển vọng phát triển hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch, nhà hàng khách sạn của công ty trong năm 2022.

CƠ CẤU DOANH THU

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
1	Doanh thu dịch vụ nhà hàng khách sạn	10.963.300.206	-
2	Doanh thu kinh doanh bất động sản	245.454.546	-
3	Doanh thu bán hàng hóa	61.128.000.000	-
4	Doanh thu cung cấp dịch vụ	37.556.204.911	9.395.724.202





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Phùng Hoài Ngọc	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0	0%
2	Ông Trần Ngọc Thắng	Giám đốc Chi nhánh Hà Nội	0	0%
3	Bà Hoàng Thị Thu Lại	Phó Tổng Giám đốc Đầu tư	0	0%
4	Bà Lê Thị Vương Quý	Kế toán trưởng	0	0%



LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông PHÙNG HOÀI NGỌC
 Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ngày sinh:	11/08/1985
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân ngoại ngữ
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:	<ul style="list-style-type: none"> - Phó Tổng giám đốc công ty cổ phần Giải pháp Thanh toán Điện lực & Viễn thông (ECPay); - Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần Giải pháp Đầu tư Thái Sơn - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Đầu tư công nghệ thương mại dịch vụ Hòa Bình; - Giám đốc công ty TNHH thương mại xăng dầu Hòa Bình - Giám đốc chi nhánh công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Thuận Phát - Chủ tịch HĐQT Công ty CP công nghệ và thiết bị điện Hà Nội
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:	0 CP, chiếm 0% VDL <ul style="list-style-type: none"> • Đại diện: 0 CP, chiếm 0% VDL • Cá nhân sở hữu: 0 CP, chiếm 0% VDL
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:	Không có

Quá trình công tác

2007 – 2010	Làm việc tại CTCP Phần mềm Kim Long
2010 – nay	Làm việc tại CTCP Giải pháp thanh toán Điện lực và Viễn thông; CTCP Giải pháp Đầu tư Thái Sơn; công ty TNHH Đầu tư công nghệ TMDV Hòa Bình; Công ty TNHH TM xăng dầu Hòa Bình; chi nhánh công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Thuận Phát; CTCP Đầu tư – Thương mại – Dịch vụ Điện lực



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tiếp theo)

Ông TRẦN NGỌC THẮNG

Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc chi nhánh Hà Nội

Ngày sinh:	28/01/1983
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư công nghệ thông tin
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:	<ul style="list-style-type: none"> - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần giải pháp thanh toán Điện lực và Viễn thông; - Tổng Giám đốc công ty cổ phần Khách sạn Bến Du Thuyền.
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:	0 CP, chiếm 0% VDL <ul style="list-style-type: none"> • Đại diện: 0 CP, chiếm 0% VDL • Cá nhân sở hữu: 0 CP, chiếm 0% VDL
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:	Không có

Quá trình công tác

2011 - 2012	Trợ lý TGĐCTCP Giải pháp thanh toán Điện lực và Viễn thông
2013 - 3/2015	Giám đốc công ty TNHH Đầu tư Nông nghiệp Thuận Phát
3/2015 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần giải pháp thanh toán Điện lực và Viễn thông; Tổng Giám đốc công ty cổ phần Khách sạn Bến Du Thuyền.

Bà HOÀNG THỊ THU LÀI

Phó Tổng Giám đốc đầu tư

Ngày sinh:	17/10/1978
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:	Tổng Giám đốc công ty cổ phần công nghệ và thiết bị điện Hà Nội
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:	0 CP, chiếm 0% VDL <ul style="list-style-type: none"> • Đại diện: 0 CP, chiếm 0% VDL • Cá nhân sở hữu: 0 CP, chiếm 0% VDL
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:	Không có

Quá trình công tác

2001-2004	Cán bộ phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty CP đầu tư phát triển đô thị Sông Đà
2005-2007	Cán bộ lập dự án xí nghiệp tư vấn thiết kế- công ty CP đầu tư Sông Đà
2008-2009	Cán bộ phòng giao dịch Công ty CP chứng khoán Artex
2010-2012	Giám đốc kinh doanh công ty CP đầu tư Châu Á Thái Bình Dương
2013-2015	Trưởng phòng dịch vụ khách hàng công ty CP Vinhomes
2015-2017	Giám đốc kinh doanh công ty MB Land
2018-2020	Phó Tổng Giám đốc công ty Bến Du Thuyền
2020 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ Điện lực; Tổng Giám đốc công ty cổ phần công nghệ và thiết bị điện Hà Nội.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tiếp theo)

Bà LÃ THỊ VƯƠNG QUÝ Kế toán trưởng

Ngày sinh:	01/05/1986
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán kiểm toán
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:	Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:	0 CP, chiếm 0% VDL <ul style="list-style-type: none"> Đại diện: 0 CP, chiếm 0% VDL Cá nhân sở hữu: 0 CP, chiếm 0% VDL
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:	Không có

Quá trình công tác

2014 - 2017	Kế toán tổng hợp tại CTCP công nghệ di động Thuận Phát
2017 - 2020	Kế toán tổng hợp tại CTCP Giải pháp Đầu tư Thái Sơn
2020 - nay	Kế toán trưởng CTCP Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ Điện lực

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2021: KHÔNG CÓ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Số lượng CP sở hữu
A	Theo trình độ lao động	124	100%
1	Trình độ trên đại học	1	0,8%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	67	54%
3	Trình độ trung cấp, trung cấp nghề	30	24,2%
4	Công nhân kỹ thuật	16	12,9%
5	Lao động phổ thông	10	8,1%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	124	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	12	9,7%
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	112	90,3%
C	Theo giới tính	124	100%
1	Nam	69	55,7%
2	Nữ	55	44,3%

THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động (người)	295	234	307	217
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	13.016.184	15.262.680	16.322.630	11.658.995



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tiếp theo)

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Đào tạo

Công ty chú trọng quan tâm đến công tác phát triển nguồn nhân lực thông qua chính sách đào tạo kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ, công nhân viên. Các chương trình đào tạo như: kỹ năng giao tiếp, đào tạo về an toàn, vệ sinh lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy, tiếng Anh giao tiếp, dịch vụ khách hàng, bảo hiểm, thuế, quản lý bất động sản...

Tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao;

Môi trường công việc

Công ty bố trí văn phòng làm việc cho CBCNV khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.

Thời gian làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày (Riêng thứ 7 chỉ làm việc ca sáng), 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu CBCNV làm thêm giờ và thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động ngoài việc đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước.

Nghỉ phép, nghỉ Lễ, Tết

CBCNV được nghỉ Lễ và Tết theo quy định của Luật Lao động. Những CBCNV có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những CBCNV có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 5 năm làm việc tại Công ty, CBCNV được cộng thêm 1 ngày phép.

Nghỉ ốm đau, thai sản

CBCNV Công ty khi nghỉ ốm sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động. Trong thời gian nghỉ thai sản (6 tháng) người lao động được nhận trợ cấp thai sản do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo quy định.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Tổng vốn đầu tư	Chi phí xây dở dang
1	Dự án Cồn Khương	ECINVEST	213.000	31.182
2	Dự án Bãi Thơm - Phú Quốc	ECINVEST	1.084.000	1.349
3	Dự án KSĐL Đà Lạt - Lâm Đồng	ECINVEST	330.000	184
4	Dự án làng vườn và du lịch sinh thái huyện Củ Chi	ECINVEST	137.500	5.640
5	Dự án làng nghề hoa - cây cảnh - cá kiểng huyện Củ Chi (36 ha)	ECINVEST	179.000	2.988
6	Dự án khách sạn Điện lực Phan Rang - Ninh Thuận	ECINVEST	70.000	22.908
7	Nhà máy điện mặt trời xã Cam Phước Tây - Nha Trang	ECINVEST	1.200.000	376
8	Nhà máy điện mặt trời xã Phước Hữu - tỉnh Ninh Thuận	ECINVEST	1.500.000	20
9	Dự án Thiên Đường nước Cần Thơ	ECINVEST	1.200.000	3.850
10	Cải tạo nâng cấp Khách sạn Vũng Tàu	ECINVEST	113.226	68.558

Tổng

3.426.726

137.055

Năm 2021, do tình hình dịch bệnh COVID - 19 diễn biến phức tạp, Công ty không triển khai thực hiện bất kỳ dự án đầu tư mới nào; chỉ soát xét, bổ sung điều chỉnh, phê duyệt các phương án triển khai thực hiện các dự án trọng điểm. Cụ thể như sau:

DỰ ÁN KHU KHÁCH SẠN DU LỊCH NGHỈ DƯỠNG ĐIỆN LỰC TẠI NINH THUẬN

Trong năm qua, Công ty đã tiến hành san lấp để triển khai các hạng mục chính. Móng tường rào đã hoàn thành toàn bộ dự án.

Thiết kế lại theo quy hoạch mới: Hồ sơ thiết kế hiện có từ năm 2011, trong khi địa phương đã thay đổi quy hoạch (đường nối từ Yên Ninh ra Biển Đông) nên ảnh hưởng rất lớn đến công trình (các hạng mục công trình chính). Vì vậy, trong năm 2019-2020, Công ty đã làm việc với đơn vị tư vấn nghiên cứu, đánh giá thị trường để thiết kế lại toàn bộ công trình đảm bảo tính kinh tế, phù hợp nhất với thị trường và quy hoạch địa phương.

Do tình hình dịch bệnh COVID - 19 kéo dài và diễn ra trên diện rộng ảnh hưởng cực lớn đến tình hình kinh doanh du lịch và nghỉ dưỡng Việt Nam nói chung và của Ninh Thuận nói riêng dẫn đến công tác thu xếp vốn (từ vốn vay ngân hàng) triển khai đầu tư xây dựng dự án gặp nhiều khó khăn. Dự kiến trong tương lai gần sẽ bắt đầu các bước triển khai xây dựng đầu tiên.

DỰ ÁN KHU NHÀ VƯỜN CỒN KHƯƠNG

Năm 2018, đối tác - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nam Long đã nộp đơn khởi kiện lên Trung tâm Trọng tài thương mại Cần Thơ để nghị chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa hai bên và yêu cầu Công ty bồi thường tổn thất.

Trung tâm Trọng tài Thương mại Cần Thơ đã thụ lý hồ sơ với số hiệu 01/2018/TTTTTMCT về quan hệ pháp luật: "Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh" và đến ngày 12/02/2019, Trung tâm trọng tài Thương mại Cần Thơ đã ra phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 01/2018 xử lý chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa hai bên và yêu cầu

Công ty bồi thường và vi phạm Hợp đồng với tổng tiền 28.507.680.000 đồng.

Công ty không đồng ý với phán quyết của Trung tâm Trọng tài Thương mại Cần Thơ do quá bất hợp lý. Công ty đã nộp đơn lên Tòa án nhân dân TP. Cần Thơ để yêu cầu hủy phán quyết của Trung tâm Trọng tài Thương mại Cần Thơ và đến tháng 06/2019, Tòa án nhân dân TP. Cần Thơ đã ra phán quyết tuyên hủy hiệu lực của Trung tâm Trọng tài Thương mại TP. Cần Thơ.

Hiện Công ty Nam Long đang nộp đơn lên Tòa án nhân dân để giải quyết vụ việc, song song đó, Công ty sẽ quyết tâm bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN (tiếp theo)

KHU NGHỈ DƯỠNG ĐIỆN LỰC TẠI KHU DU LỊCH BÃI THƠM, XÃ BÃI THƠM, HUYỆN PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

Do địa phương đang điều chỉnh quy hoạch phân khu chức năng tỷ lệ 1/2000 nên đồ án quy hoạch 1/500 của dự án chưa được xem xét phê duyệt. Hiện Công ty đang tiến hành các thủ tục đầu tư khác như đánh giá tác động môi trường và xin điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất.

Ngày 30/12/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành quyết định về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch và dân cư xã Bãi Thơm tại xã Bãi Thơm, huyện Phú Quốc (nay là Thành phố Phú Quốc). Ngày 20/01/2021, Ban quản lý Kinh tế đề nghị Công ty sớm nộp hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 của dự án. Tuy nhiên, nhằm đảm bảo một đồ án quy hoạch 1/500 của dự án thực sự là tạo nên một điểm nhấn về kiến trúc quy hoạch cho Thành phố Phú Quốc trong tương lai, là điểm đến hấp dẫn cho du khách trong nước và quốc tế, góp phần tạo nên một Thành phố Phú Quốc hiện đại và đáng sống, Công ty đã xin gia hạn thêm thời gian và được Ban quản lý Khu kinh tế đồng ý cho gia hạn đến hết tháng 04/2021 hoàn thành lập, trình phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 của dự án.

KHÁCH SẠN DU LỊCH ĐIỆN LỰC

Địa điểm: 5/11 Nguyễn Siêu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Khách sạn đã hoàn thành trong tháng 10/2019 và bắt đầu đưa vào khai thác từ tháng 11/2019. Dự kiến Công ty sẽ có nguồn thu ổn định từ việc hợp tác kinh doanh này sau khi kết thúc dịch bệnh Covid-19.

DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHÁCH SẠN DU LỊCH ĐIỆN LỰC VŨNG TÀU

Hiện tại Khách sạn Du lịch Điện lực Vũng Tàu đang tiến hành sửa chữa nâng cấp. Quy mô sau sửa chữa: Nâng cấp toàn bộ công trình lên chuẩn 4 sao, gia cố và nâng thêm 01 tầng với tổng quy mô 10.634 m² sàn xây dựng, chia thành 122 phòng.

Tổng mức đầu tư dự kiến hơn 150 tỷ đồng.

CÁC DỰ ÁN HỢP TÁC ĐẦU TƯ TẠI HUYỆN CÙ CHI

Đối với 02 dự án hợp tác với Hợp tác xã Nuôi trồng thủy sản Hà Quang tại huyện Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh, Công ty đã đạt được thỏa thuận với đối tác theo hướng hoán chuyển các chi phí ECINVEST đã đầu tư để đổi thành 01 khu dự án mới có quy mô khoảng 8,5 ha liền thửa để Công ty có thể triển khai dự án hoặc chuyển nhượng lại thu hồi vốn đầu tư.

Từ năm 2018 đến nay, chỉ hoán chuyển được 4,7 ha sang người đại diện của Công ty do Hợp tác xã Hà Quang liên tục không hợp tác. Hiện tại Công ty đang thực hiện kế hoạch chuyển tên toàn bộ đất nhận bàn giao từ Hợp tác xã Hà Quang sang người đại diện của Công ty để bảo toàn vốn của Công ty.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần TMDV Xuất nhập khẩu và Du lịch Cuộc sống Việt có đội ngũ nhân viên yêu nghề, năng động, sáng tạo, có thâm niên và kinh nghiệm trong ngành trên dưới 10 năm kết hợp với một bộ máy tổ chức có phong cách làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, VIETLIFE TRAVEL đã tổ chức thành công nhiều tour du lịch trong và ngoài nước cho nhiều đơn vị khách hàng. Các chương trình du lịch trong và ngoài nước phong phú, đa dạng đã và đang thu hút sự quan tâm của du khách như: Ngắm hoa anh đào trên đất Phù Tang Nhật Bản; vòng quanh Châu Âu với Hà Lan – Đức – Bỉ – Pháp – Áo – Ý, huyền thoại xứ Vân Nam (Côn Minh – Đại Lý – Lệ Giang); Thiên đường hạ giới (Nga My Sơn – Cửu Trại Câu); Cửu đô – Kinh đô của chín triều đại với Phủ Khai Phong cổ kính; Xứ sở dầu mỏ: Brunei Darussalam; Khám phá sông nước Cửu Long, Con đường di sản Miền Trung; Đường Trường Sơn huyền thoại; Ngàn năm Thăng Long Đông Đô... Cùng những chương trình giao lưu văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc: Lễ Hội Ouk – Bon – bok (Kh'mer), Lễ Hội Cổng Chiêng Tây Nguyên, Festival Huế...





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% 2021/2020
1	Tổng giá trị tài sản	1.709.331	1.545.634	90,42%
2	Doanh thu thuần	109.893	9.015	8,20%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	31.162	1.809	-94,19%
4	Lợi nhuận khác	-137	-36	-73,40%
5	Lợi nhuận trước thuế	31.025	1.773	-94,29%
6	Lợi nhuận sau thuế	24.987	957	-96,17%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	-	-



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,23	1,27
Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,19	1,22
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Vòng	71,22	68,12
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Vòng	247,52	213,63
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	2,54	0,23
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	0,09	0,01
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	22,74	10,61
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	6,18	0,19
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,96	0,06
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	28,36	20,07



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Hệ số thanh toán ngắn hạn và Hệ số thanh toán nhanh năm 2021 của Công ty là 1,27 và 1,22 lần, tăng nhẹ so với năm 2020 lần lượt là 1,23 và 1,19 lần. Trong đó, tài sản ngắn hạn đạt 1.237,483 tỷ đồng, giảm 161,930 tỷ tương ứng giảm 11,54% so với năm 2020. Nguyên nhân vì trong năm 2021, Công ty đã giảm các khoản đầu tư tài chính để thanh toán các khoản trả trước cho người bán và các chi phí như chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp, chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố. Bên cạnh đó, nợ ngắn hạn đạt 977,084 tỷ đồng, giảm 160,447 tỷ đồng tương ứng giảm 14,10% so với năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu là do các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm 2021 giảm 318,503 tỷ đồng, tương ứng giảm 53,76% so với năm 2020. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều ở mức an toàn cho thấy được Công ty có đủ khả năng để chi trả cho toàn bộ khoản nợ vay ngắn hạn của mình.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Sự an toàn trong nguồn vốn hoạt động luôn được Ban lãnh đạo chú trọng. Cơ cấu vốn của CTCP Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ điện lực được tài trợ chủ yếu bằng nợ phải trả với tỷ trọng 71,22% tổng nguồn vốn. Hệ số nợ/ tổng tài sản và hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu năm 2021 giảm nhẹ so với năm 2020, lần lượt duy trì ở mức 68,12% và 213,63%. Công ty duy trì cấu trúc vốn hợp lý để phù hợp với định hướng hoạt động kinh doanh thương mại điện lực và các hoạt động kinh doanh nhà hàng khách sạn và bất động sản.

CHỈ TIÊU NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Trong năm 2021, vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản đều giảm so với năm 2020. Cụ thể, vòng quay hàng tồn kho ghi nhận 0,23 vòng, giảm 230,92% so với 2,54 vòng so với năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu là do giá vốn hàng bán của Công ty giảm mạnh 86,565 tỷ đồng, tương ứng giảm 88,61% so với năm 2020 do trong năm Công ty không thực hiện các hoạt động kinh doanh bất động sản và các hoạt động nhà hàng khách sạn cũng như cung cấp dịch vụ điện lực bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh covid -19. Bên cạnh đó, vòng quay tổng tài sản năm 2021 đạt 0,01 vòng, giảm 8,05% so với mức 0,09 vòng năm 2020. Nguyên nhân là do doanh thu thuần giảm 100,878 tỷ đồng, tương ứng giảm 91,80% so với năm 2020 chủ yếu do hoạt động kinh doanh không thuận lợi

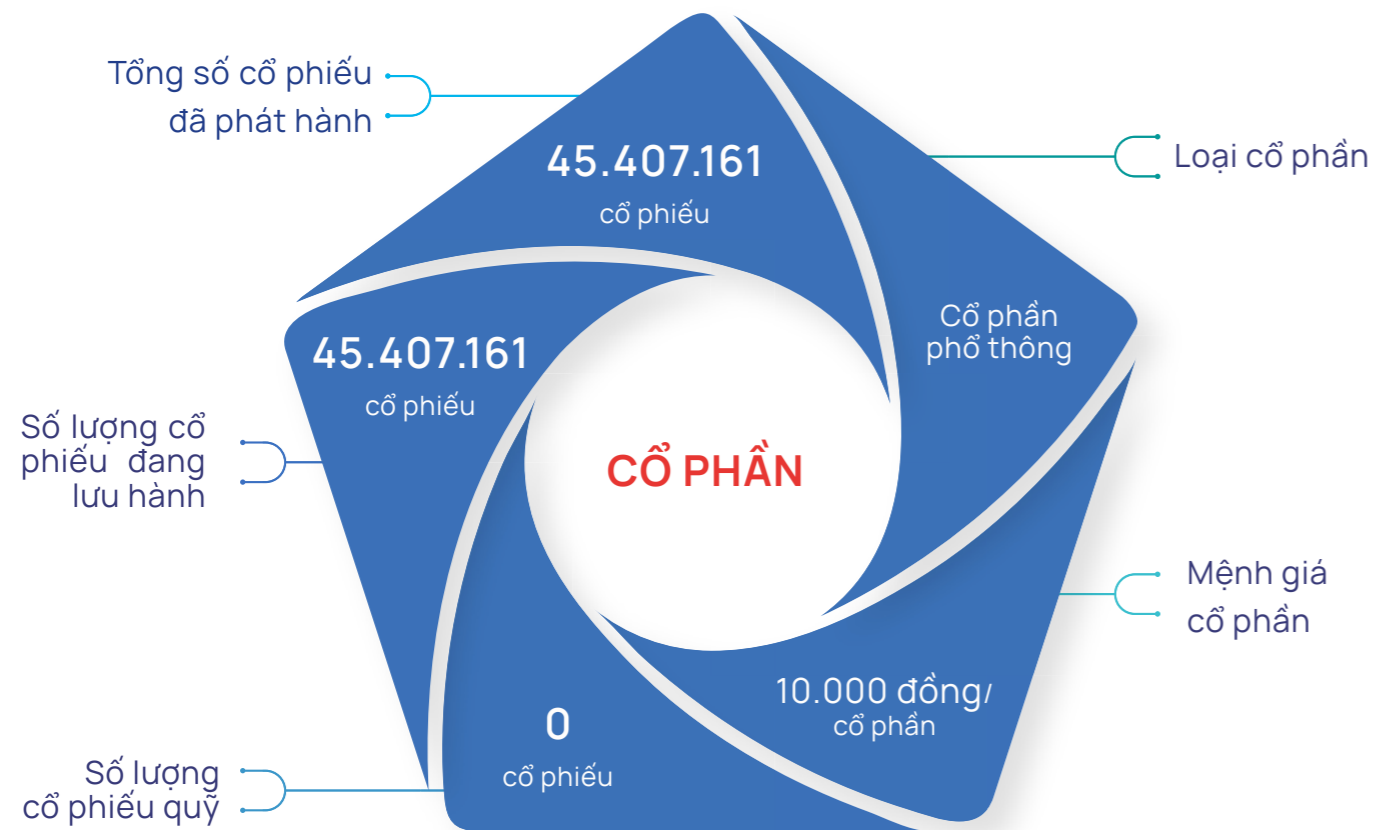
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2021 đều giảm so với năm 2020. Hệ số ROS và ROE lần lượt đạt 10,61% và 0,19%, giảm so với mức 22,74% và 6,18% năm 2020. Tình hình hoạt động kinh doanh không ổn định trong năm 2021 đã khiến lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 957 triệu đồng, giảm 24,030 tỷ đồng, tương ứng giảm 96,17% so với năm 2020. Hệ số ROA và Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần năm 2021 lần lượt đạt mức 0,06% và 20,07%, giảm so với mức 1,96% và 28,36% năm 2020. Những ảnh hưởng của dịch bệnh, các yếu tố kinh doanh trong năm không thuận lợi cùng chi phí phát sinh đột biến đã ảnh hưởng lên các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty.





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	45,391,441	453,914,410,000	99.96%
1	Tổ chức	24,396,680	243,966,800,000	53.73%
2	cá nhân	20,994,761	209,947,610,000	46.24%
II	Cổ đông nước ngoài	15,720	157,200,000	0.03%
1	Cá nhân	0	0	0%
2	Tổ chức	15,720	157,200,000	0.03%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
Tổng cộng (I+II)		45,407,161	454,071,610,000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số giấy CN ĐKDN	Ngành nghề Kinh doanh	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ/VĐL (%)
1	Công ty Cổ Phần Công nghệ và Thiết bị điện Hà Nội	Tầng 8, tòa nhà VIT, Số 519 đường Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	0105295960	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển...	15.000.000	33,03%
2	Công ty Cổ phần Giải pháp Đầu tư Thái Sơn	25-25A Tầng Bạt Hồ, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	1101356741	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao...	9.212.064	20,29%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Từ thời điểm thành lập đến nay, Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ Điện lực đã trải qua 3 đợt tăng vốn sau:

Thời điểm	Giá trị tăng thêm	Vốn điều lệ thực góp	Hình thức tăng/giảm vốn	Ghi chú
07/2007	Thành lập công ty	275.131.250.000	Góp vốn bằng tiền mặt và tài sản	Giấy CNĐKKD lần đầu số 4103007426 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 30/07/2007.
2009	28.940.360.000	304.071.610.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	NQ số 06/NQ-ĐHĐCĐ-PIST ngày 14/05/2009; Công ty phát hành khi chưa nhận được giấy phép của UBCKNN, đã nộp phạt và điều chỉnh số vốn đã phát hành theo đúng yêu cầu của UBCKNN.
2020	150.000.000.000	454.071.610.000	Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư	NQ số 15/NQ-EIN-ĐHĐCĐ ngày 24/07/2019. Công văn số 3565/UBCK-QLCB ngày 28/05/2020 Vv báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

TỔNG PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH (GHG) TRỰC TIẾP VÀ GIÁN TIẾP

Theo Báo cáo về khí hậu do Tổ chức Khí tượng Thế giới của Liên Hợp Quốc công bố ngày 25/10/2021, có 3 loại khí gây hiệu ứng nhà kính chính là CO₂, metan và N₂O. Nồng độ của 3 loại khí này đều tăng qua từng năm, trong đó khí CO₂ là tác nhân chính, chiếm tới 66% tác động khiến Trái Đất nóng lên. Tổ chức Khí tượng Thế giới cảnh báo, với việc phát khí thải tiếp tục tăng cùng với nhiệt độ cao, con người sẽ phải hứng chịu thêm nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan. Dưới tác động của biến đổi khí hậu, quá trình diễn ra từ từ như nhiệt độ tăng và nước biển dâng, quá trình xảy ra nhanh là sự gia tăng của hiện tượng thời tiết cực đoan. Phát thải khí nhà kính ngày càng tăng là nguyên nhân chủ yếu của xu thế ấm lên toàn cầu, tầng ozon bị phá hủy dẫn

đến sự tăng cường độ bức xạ tử ngoại trên mặt đất, là nguyên nhân gây bệnh ung thư da và các bệnh về mắt.

Tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu (COP26); các quốc gia tham dự trong đó có Việt Nam đã thể hiện quyết tâm và đạt được nhiều thỏa thuận để ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu. Ngày 11/02/2020, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 55-NQ/TW về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó ưu tiên khai thác, sử dụng các nguồn năng lượng sạch; ưu tiên phát triển điện khí.

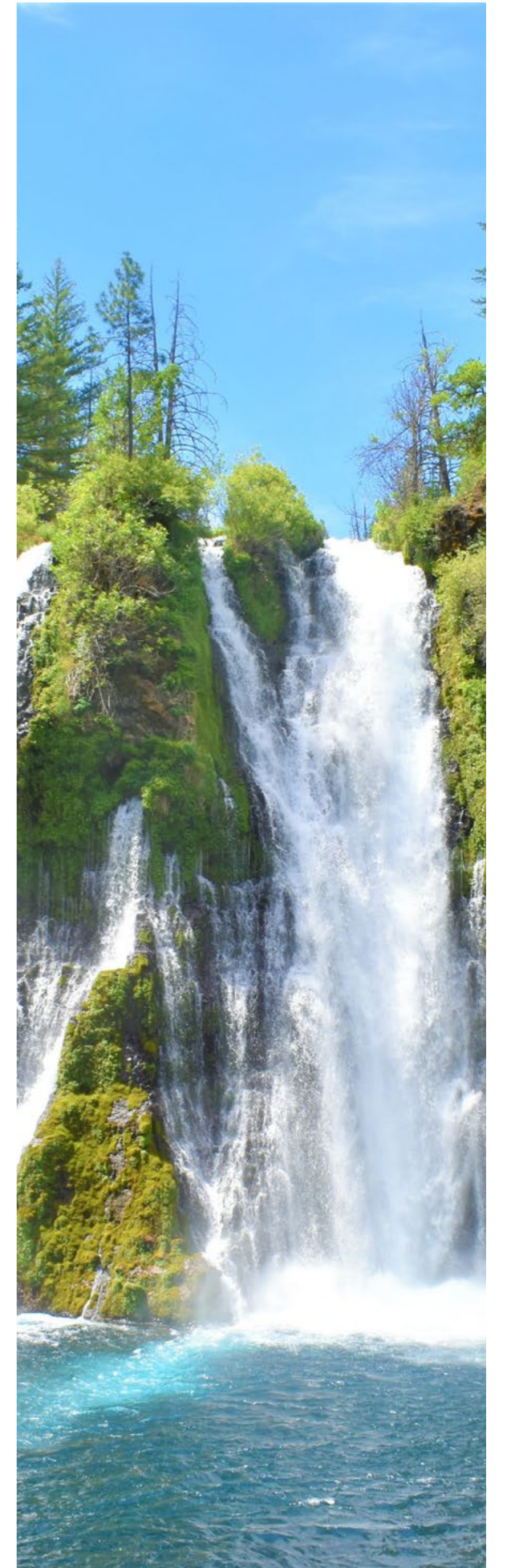
Hiểu rõ được ảnh hưởng nghiêm trọng của vấn đề này, Công ty đặc biệt chú ý Khuyến khích sáng kiến, sáng tạo về tiết kiệm năng lượng, xây dựng những kế hoạch nhằm giảm thiểu lượng khí nhà kính thải ra môi trường. Công ty nghiên cứu xây dựng hệ thống xử lý chất thải thân thiện với môi trường với kỹ thuật mới nhằm giảm thiểu khí nhà kính trong quá trình hoạt động và duy trì truyền thông về vấn đề bảo vệ môi trường nhằm nâng cao ý thức của từng CBCNV trong Công ty.

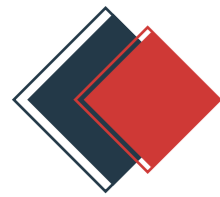
TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Công ty định kì yêu cầu các văn phòng, nhà máy của mình báo cáo tình hình sử dụng năng lượng nhằm theo dõi mức sử dụng năng lượng của công ty. Hoạt động tiêu thụ năng lượng của nhà máy phải tuân thủ quy định và định mức năng lượng nhằm tối đa hóa hiệu quả của hệ thống vận hành kết hợp với tiết kiệm năng lượng. Nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ công nhân viên, việc truyền thông nội bộ được thực hiện thường xuyên và nghiêm túc. Toàn thể nhân viên công ty luôn ý thức trong việc thực hành tiết kiệm năng lượng vì mục tiêu phát triển bền vững của công ty.

TIÊU THỤ NƯỚC

Các nước trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang phải đối mặt với nhiều thách thức liên quan đến nguồn nước. Ở nhiều nơi đã và đang xảy ra tình trạng lượng nước cung cấp bị suy giảm nghiêm trọng đi đôi với hiện tượng lũ lụt, nước biển dâng, triều cường, xâm nhập mặn, ... Các hiện tượng này ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống của người dân và ảnh hưởng đến nguồn cung nước của công ty. Hiểu được vấn đề này, công ty chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro ô nhiễm nguồn nước bằng việc nâng cấp hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường, bảo vệ môi trường sống, khuyến khích cán bộ công nhân viên sử dụng tiết kiệm nước.





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Kể từ khi chính thức hoạt động cho đến nay, Công ty luôn tuân thủ pháp luật và các quy định về bảo vệ môi trường, do đó chưa bị xử phạt về việc vi phạm liên quan đến môi trường.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chế độ làm việc của Công ty luôn đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của Bộ Luật lao động và thực hiện các chế độ đãi ngộ phù hợp cho người lao động đảm bảo theo quy định của pháp luật về sử dụng lao động. Công ty luôn khuyến khích người lao động nghỉ phép và nghỉ lễ, tết theo đúng quy định.

Về phúc lợi

Căn cứ vào hiệu quả kinh doanh, định kỳ hàng năm Công ty sẽ tổ chức cho CBNV tham quan nghỉ mát hoặc trích một khoản tiền cho người lao động tự tổ chức đi du lịch cùng người thân nhằm tái tạo sức lao động. Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các loại bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cũng như tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Ngoài ra Công ty cũng luôn chú trọng đến dịp các lễ, tết và lương tháng 13 cho người lao động nhằm khuyến khích, động viên CBNV gắn bó lâu dài cùng với Doanh nghiệp.

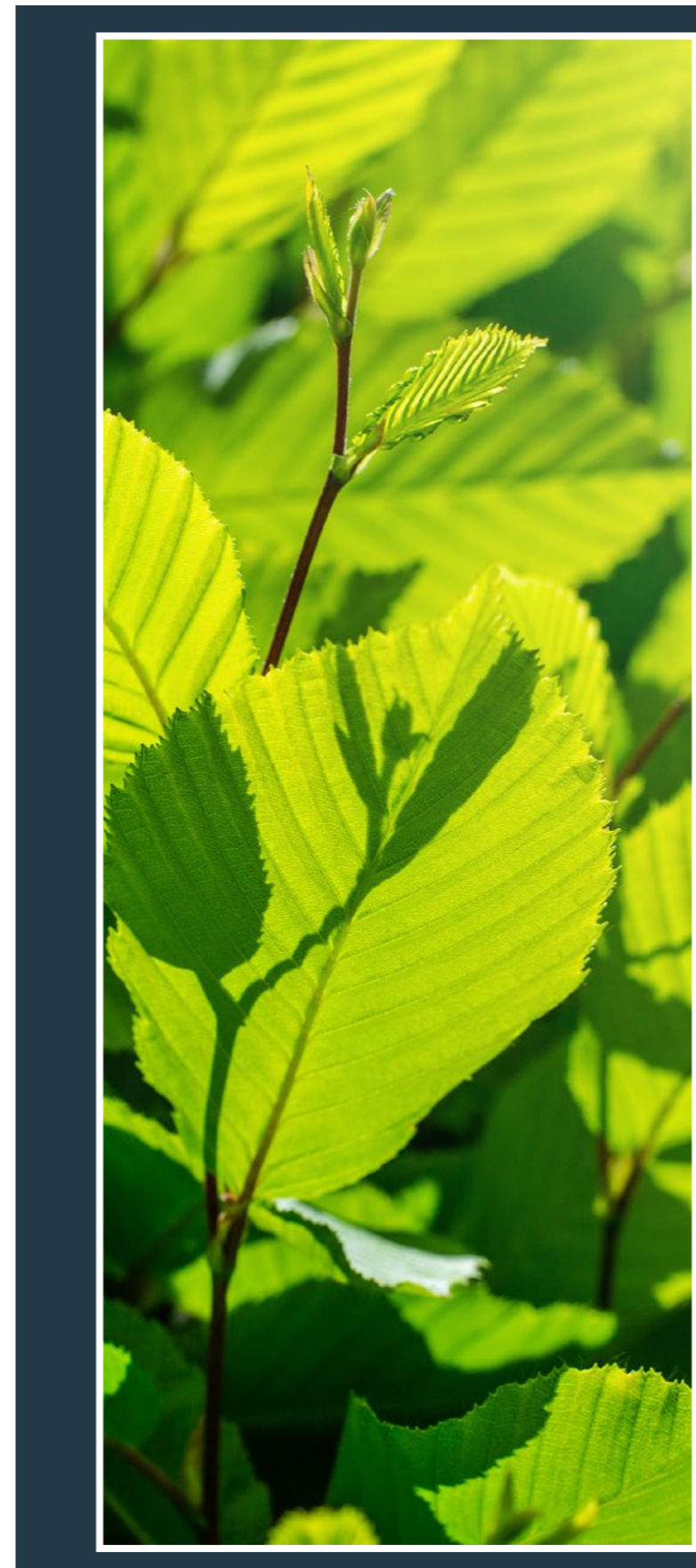
Về đào tạo

Các buổi huấn luyện về an toàn - vệ sinh lao động được tổ chức định kỳ hàng năm. Công ty đã mời Phòng Cảnh sát PCCC địa phương về huấn luyện công tác phòng cháy chữa cháy tại Công ty.

Ngoài ra, Công ty còn tổ chức huấn luyện nghiệp vụ nâng cao cho khối văn phòng nhằm cải thiện chất lượng công việc, nâng cao khả năng quản trị doanh nghiệp, nâng cao nghiệp vụ chuyên sâu.

Bên cạnh đó, công ty còn tổ chức thêm các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp. Công ty tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các cán bộ công nhân viên tự học tập để phát triển kỹ năng và phát triển sự nghiệp

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



Công ty luôn thực hiện tốt trách nhiệm của mình đối với cộng đồng địa phương tại địa bàn kinh doanh. Công ty luôn cam kết đóng góp vào sự phát triển kinh tế bền vững, cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Hoạt động thị trường vốn xanh là một trong những hoạt động mới được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thúc đẩy phát triển thời gian gần đây. Đây là hoạt động phát hành những loại giấy tờ có giá với mục đích huy động vốn cho các chính sách, kế hoạch sản xuất xanh và hoạt động liên quan đến môi trường của từng doanh nghiệp.

Công ty luôn cập nhật và theo dõi các tin tức mà Ủy ban Chứng khoán công bố, từ đó có những chỉnh sửa chính sách quản trị nội bộ cho phù hợp, đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty cũng luôn cải tiến các chính sách hoạt động của Công ty theo hướng "sản xuất xanh", hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

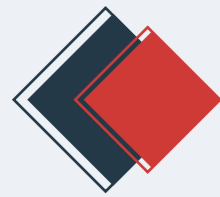
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY SO VỚI KẾ HOẠCH VÀ CÁC KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRƯỚC ĐÂY



Trong năm 2021,

Thuận lợi:

- Công ty đã tiến hành tái cấu trúc công ty, bộ máy lãnh đạo, với những thành viên có năng lực và kinh nghiệm chuyên môn cao. Công ty đã từng bước khắc phục các tồn tại, kiện toàn bộ máy tạo động lực để thúc đẩy hoạt động sản xuất và quản lý có hiệu quả các nguồn lực của Công ty.
- Các cán bộ công nhân viên Công ty tiếp tục gắn bó lâu dài; nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, tin tưởng vào định hướng phát triển lâu dài của Ban điều hành.
- Về năng lực tài chính Công ty có thể chủ động nguồn vốn để triển khai thực hiện các dự án. Ngoài ra, Công ty còn có khả năng huy động vốn bằng hình thức vay ngân hàng, liên doanh cùng với các doanh nghiệp, nhà đầu tư và phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

Khó khăn:

- Tình hình kinh tế thế giới trong năm 2020 gặp nhiều khó khăn, GDP thế giới ghi nhận tăng trưởng âm. Nhiều doanh nghiệp lớn tuyên bố phá sản, hàng nghìn người lao động trở thành thất nghiệp, dẫn đến các doanh nghiệp của Việt Nam gặp nhiều khó khăn; trong đó có EIN.
- Tình hình dịch bệnh COVID - 19 tiếp tục diễn ra trong những tháng đầu năm 2021 là một biến động lớn có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty.

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

- Sắp xếp lại bộ máy nhân sự tại các bộ phận kinh doanh nhằm tiết kiệm tối đa các khoản chi phí không hợp lý, thúc đẩy bộ phận kinh doanh tìm kiếm khai thác khách hàng mới và duy trì ổn định khách hàng tiềm năng của công ty.
- Nắm bắt hiệu quả các thay đổi của thị trường để tối đa hóa lợi nhuận thông qua việc điều chỉnh chính sách bán hàng kịp thời nên giữ được quy mô thị trường và khách hàng tiềm năng.
- Thực hiện tốt chính sách nhân sự, tuyển dụng, đào tạo, bổ sung và luân chuyển cán bộ quản lý trung- cao cấp; Bảo đảm việc chi trả tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng phù hợp, và thu nhập cho người lao động ổn định.
- Áp dụng và cải tiến công nghệ thông tin trong kinh doanh, quan hệ cổ đông và quan hệ khách hàng.
- Công bố thông tin định kỳ và thông tin bất thường khác đầy đủ theo quy định hiện hành của UBCKNN và Sở GDCK Hà Nội.
- Xây dựng tốt văn hoá công ty trên cơ sở tất cả CBCNV đồng thuận, tôn trọng và tuân thủ; liên kết hoạt động và chia sẻ những giá trị tinh thần, vật chất giữa cá nhân với công ty, đối tác, khách hàng.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	%Tăng/giảm so với năm trước	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Tài sản ngắn hạn	1.398.874	1.237.483	-11,54%	81,84%	80,06%
Tài sản dài hạn	310.458	308.151	-0,74%	18,16%	19,94%
Tổng tài sản	1.709.331	1.545.634	-9,58%	100,00%	100,00%

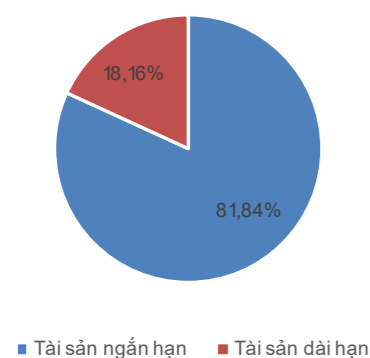
Tính đến 31/12/2021, tổng tài sản của ECINVEST đạt 1.545,634 tỷ đồng, giảm 163,697 tỷ đồng tương ứng giảm -9,58% so với năm 2020. Tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn với 80,06% trong cơ cấu tổng tài sản, trong khi đó tài sản dài hạn chiếm 19,94%.

Tài sản ngắn hạn đạt 1.237,483 tỷ đồng, giảm 11,54% so với cùng kỳ năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu do công ty giảm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ở các ngân hàng thương mại, cụ thể giảm 232,220 tỷ đồng, tương ứng giảm 19,39% so với năm 2020 khi Công ty thực hiện các chính sách tín dụng thương mại nhằm gia hạn thời

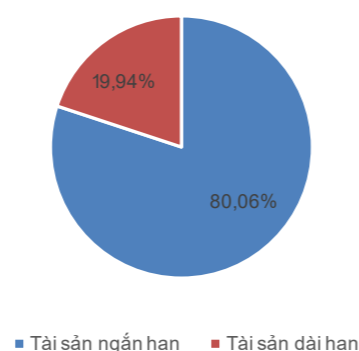
gian thanh toán cho khách hàng, hỗ trợ khách hàng trong khoảng thời gian khó khăn của dịch bệnh COVID - 19. Trong đó, các khoản đầu tư tài chính dài hạn đạt 965,290 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn 78,00% trong cơ cấu tài sản ngắn hạn.

Tài sản dài hạn đạt 308,151 tỷ đồng, giảm nhẹ 0,74% so với cùng kỳ năm 2020. Hầu hết các khoản mục trong tài sản dài hạn đều thay đổi không đáng kể. Tài sản dở dang dài hạn chiếm tỷ trọng lớn, cụ thể là 44,48% trong tài sản dài hạn của Công ty, đạt 137,055 tỷ đồng vào cuối năm 2021.

Tỷ trọng năm 2020



Tỷ trọng năm 2021



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: Triệu đồng

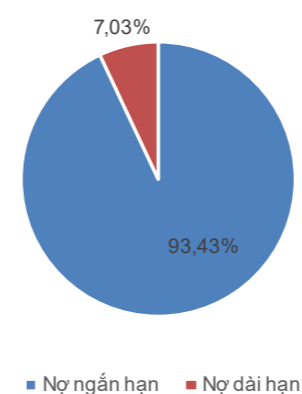
Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	%Tăng/giảm so với năm trước	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Nợ ngắn hạn	1.137.530	977.084	-14,10%	93,43%	92,81%
Nợ dài hạn	79.935	75.728	-5,26%	7,03%	7,75%
Tổng nợ phải trả	1.217.465	1.052.811	-13,52%	100,00%	100,00%

Tổng nợ phải trả của ECINVEST cuối năm 2021 ghi nhận 1.052,811 tỷ đồng, giảm 164,654 tỷ đồng, tương ứng giảm 13,52% so với năm 2020.

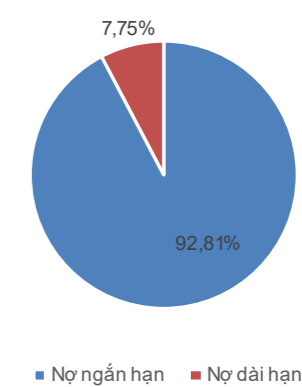
Nợ ngắn hạn năm 2021 đạt 977,084 tỷ đồng, giảm 14,10% so với năm 2020. Trong năm, Công ty có các khoản phải trả ngắn hạn khác và vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn lần lượt chiếm 66,47% và 28,04% tổng khoản mục nợ ngắn hạn.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn ghi nhận giảm 318,503 tỷ đồng tương ứng giảm 53,76% so với năm 2020. Tổng Vay nợ ngắn hạn tính đến 31/12/2021 là 273,929 tỷ đồng. Ngoài ra, khoản phải trả ngắn hạn khác tăng 36,83% so với năm 2020 là do tăng 174,762 tỷ đồng khoản phải trả cho Công ty TNHH Đầu tư Nông nghiệp Thuận Phát.

Tỷ trọng năm 2020



Tỷ trọng năm 2021





NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Về cơ cấu tổ chức** | Trong năm, công ty đã sắp xếp lại bộ máy tổ chức và nhân sự của các phòng ban cho phù hợp với thực tiễn hoạt động của công ty
- Về chính sách** | Nhờ thực hiện chính sách bán hàng, phân phối hợp lý và linh hoạt, công ty vẫn giữ vững được thị phần của mình và có mối quan hệ tốt đẹp với những khách hàng thân thiết
- Luôn thực hiện tốt chính sách nhân sự, tuyển dụng, đào tạo, bổ sung và luân chuyển cán bộ quản lý; Trong năm, Công ty bảo đảm việc chi trả đầy đủ tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng đúng hạn và phù hợp cho người lao động
- Ban điều hành Công ty luôn tìm ra những chính sách và giải pháp quản lý mới phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý trong hoạt động kinh doanh.
- Về quản lý** | Công ty nhanh chóng áp dụng các cải tiến công nghệ thông tin trong quản trị kinh doanh, quan hệ cổ đông và quan hệ khách hàng.
- Công ty đảm bảo công bố thông tin định kỳ và thông tin bất thường đầy đủ và tuân thủ đúng theo quy định hiện hành của UBCKNN và Sở GDCK Hà Nội. Công ty luôn xây dựng và duy trì mối quan hệ tốt đẹp với các Nhà đầu tư trong và ngoài nước.
- Công ty xây dựng văn hoá, môi trường làm việc dựa trên cơ sở tất cả CBCNV đồng thuận và tôn trọng lẫn nhau; Các buổi họp cũng được tổ chức nhằm chia sẻ những giá trị tinh thần - vật chất, những khó khăn của cán bộ công nhân viên trong quá trình làm việc để Ban điều hành nắm tình hình và đưa ra giải pháp.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Trong tương lai, hoạt động chiến lược trọng tâm của Công ty là khai thác hiệu quả lĩnh vực dịch vụ lý hành nội địa và quốc tế, dịch vụ lưu trú, các dịch vụ ngành điện.

Song song với đầu tư vào dịch vụ lý hành nội địa và quốc tế, dịch vụ lưu trú, các dịch vụ ngành điện, Công ty cũng lên kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh bất động sản và các dịch vụ thương mại xuất nhập khẩu khác nhau, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh thông suốt, đảm bảo duy trì việc làm ổn định cho người lao động, phát huy thương hiệu của mình, không ngừng tăng trưởng doanh số và lợi nhuận.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021 có thể được xem như một năm khó khăn của Công ty khi các khó khăn thách thức từ dịch bệnh COVID - 19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Do tác động tiêu cực của dịch bệnh COVID - 19 đã khiến các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong năm 2021 chưa đạt được kế hoạch do ĐHĐCD thường niên thông qua.

Hội đồng quản trị đã có những cố gắng về việc đưa ra chính sách, phương hướng, chiến lược phát triển cho công ty. Bên cạnh đó còn có sự đóng góp của Ban điều hành và toàn thể cán bộ người lao động ở công ty đã đồng lòng chung sức với HĐQT để vượt qua giai đoạn khó khăn nhất này.

MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Thực hiện tốt trách nhiệm về môi trường và xã hội luôn là định hướng chiến lược cốt lõi của Hội đồng quản trị ECINVEST. Các chính sách về tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước và giảm phát thải nhà kính luôn được công ty áp dụng linh hoạt. Công ty ủng hộ các chiến dịch phòng chống dịch bệnh COVID - 19 trên địa bàn hoạt động của mình. Ngoài ra, Công ty còn sử dụng nguồn quỹ để giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn, chung tay bảo vệ môi trường.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- Hội đồng Quản trị thường xuyên giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị thông qua.
- Trong quá trình thực hiện quyền hạn và trách nhiệm, Hội đồng quản trị luôn tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, xem xét, khuyến nghị, chỉ đạo để Ban Tổng giám đốc điều hành một cách tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và Cổ đông.
- Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động của Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, thường xuyên báo cáo, trao đổi với Hội đồng Quản trị và có những điều chỉnh kịp thời đảm bảo đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tiến hành thủ tục tăng vốn điều lệ công ty (dự kiến 1.500 tỷ VND), đồng thời tìm kiếm các nhà đầu tư có tiềm năng để kêu gọi thêm vốn đầu tư thực hiện các dự án trọng điểm của công ty.
- Tiếp tục củng cố thương hiệu; duy trì hoạt động ổn định, ngày càng phát triển;
- Tìm kiếm đối tác chiến lược để triển khai Hợp tác đầu tư, kinh doanh các dự án nghỉ dưỡng của Công ty theo hướng xây dựng chuỗi giá trị và địa bàn hoạt động trải rộng. Có thể phát hành cổ phần hoặc mua cổ phần của đối tác để gắn kết chặt chẽ trong chuỗi giá trị.
- Xây dựng các bộ giải pháp quản trị doanh nghiệp nhằm đảm bảo hoạt động ổn định và hiệu quả;
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tập trung tối đa vào đội ngũ kinh doanh;
- Triển khai các dự án hiện tại của Công ty, sửa chữa nâng cấp Khách sạn Điện Lực Vũng Tàu để tăng khả năng cạnh tranh đối với các đơn vị cùng ngành;
- Triển khai mở rộng kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu, với các đối tác lớn, có tiềm năng.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản
lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban
Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông LÃ QUANG BÌNH
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 16/04/1979

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ thông tin

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần Giải pháp Thanh toán Điện lực & Viễn thông (ECPay);
- Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần Khách sạn Bến Du Thuyền.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- 0 CP, chiếm 0% VDL
- Đại diện: 0 CP, chiếm 0% VDL
- Cá nhân sở hữu: 0 CP, chiếm 0% VDL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

Không có

Quá trình công tác

2001 - 2005	Làm việc tại Cục Tin học và Thống kê Tài chính - Bộ Tài Chính
2005 - 2007	Làm việc tại CTCP DSC Việt Nam
2007 - 2010	Làm việc tại CTCP Phần mềm Kim Long
2010 - nay	Làm việc tại CTCP Giải pháp thanh toán Điện lực và Viễn thông; CTCP Giải pháp Đầu tư Thái Sơn; CTCP Truyền hình trực tuyến Việt Nam (VTVLive) - Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam; CTCP Thể thao 24; CTCP Khách sạn Bến Du Thuyền

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

Tính tại ngày 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Lã Quang Bình	Chủ tịch HĐQT	0	0%
2	Ông Phùng Hoài Ngọc	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0	0%
3	Ông Nguyễn Duy Tân	Thành viên HĐQT	9.212.064	20,3%
4	Ông Hoàng Huy Hùng	Thành viên HĐQT	0	0%
5	Ông Trần Ngọc Thắng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc chi nhánh Hà Nội	0	0%

Ông PHÙNG HOÀI NGỌC
 Thành viên Hội đồng quản trị

Xem thông tin tại Chương II mục 2 - Tổ chức và nhân sự

Ông TRẦN NGỌC THẮNG
 Thành viên Hội đồng quản trị

Xem thông tin tại Chương II mục 2 - Tổ chức và nhân sự



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ông NGUYỄN DUY TÂN
 Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh:	01/11/1981
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư công nghệ thông tin
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:	<ul style="list-style-type: none"> Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giải pháp Đầu tư Thái Sơn; Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần giải pháp thanh toán Điện lực và Viễn thông; Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư công nghệ thương mại dịch vụ Hòa Bình.
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:	9.212.064 CP, chiếm 20,3% VDL <ul style="list-style-type: none"> Đại diện: 9.212.064 CP, chiếm 20,3% VDL Cá nhân sở hữu: 0 CP, chiếm 0% VDL
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:	CTCP Giải pháp Đầu tư Thái Sơn nơi ông Nguyễn Duy Tân làm TGD nắm giữ 9.212.064 CP tương ứng 20.3% VDL

Quá trình công tác

Năm 2014	TGD CTCP Giải pháp Đầu tư Thái Sơn
Năm 2015	TGDCTCP Giải pháp Đầu tư Thái Sơn; Giám đốc kinh doanh chi nhánh HCM – CTCP Giải pháp Thanh toán Điện lực và viễn thông.
Năm 2016	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giải pháp Đầu tư Thái Sơn;
Hiện nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần giải pháp thanh toán Điện lực và Viễn thông.

Ông HOÀNG HUY HÙNG
 Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh:	26/12/1985
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:	<ul style="list-style-type: none"> Phó Tổng Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần giải pháp thanh toán Điện lực và Viễn thông; Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Thuận Phát.
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:	0 CP, chiếm 0% VDL <ul style="list-style-type: none"> Đại diện: 0 CP, chiếm 0% VDL Cá nhân sở hữu: 0 CP, chiếm 0% VDL
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:	Không có

Quá trình công tác

2007 - 2008	Nhân viên kinh doanh CTCP Hoang Hào
2008 - 2011	Quản lý kinh doanh CTCP mạng thanh toán Vina
2011 - nay	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh CTCP giải pháp thanh toán Điện lực và Viễn thông; Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Thuận Phát.

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM

Không có thay đổi trong danh sách thành viên Hội đồng quản trị năm 2021



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM

Năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã bám sát triển khai thực hiện các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua. Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, tập trung giải quyết khó khăn, chỉ đạo kịp thời, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong mọi lĩnh vực. HĐQT đã tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và tình hình thực tế của Công ty.

CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Lã Quang Bình	Chủ tịch HĐQT	16	100%
2	Ông Phùng Hoài Ngọc	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	16	100%
3	Ông Nguyễn Duy Tân	Thành viên HĐQT	16	100%
4	Ông Hoàng Huy Hùng	Thành viên HĐQT	16	100%
5	Ông Trần Ngọc Thắng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc chi nhánh Hà Nội	16	100%

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	13/NQ-EIN-HĐQT	19/04/2021	Đề nghị công ty Tài chính cổ phần Điện lực cấp tín dụng 200 tỷ đồng
2	15/2021/NQ-ĐHCĐI	20/04/2021	Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ Điện lực Chuyển nhượng lại 3 quyền sử dụng đất tại xã Trung An, huyện Củ Chi, TP HCM cho ông Phùng Hoài Ngọc - Tổng Giám đốc Ecinvest là người đại diện pháp hợp pháp của Công ty, đến khi dự án khu nghỉ dưỡng được hoàn công và đưa vào khai thác và biểu quyết đồng ý ủy quyền cho ông Phùng Hoài Ngọc là người đại diện hợp pháp của Công ty đứng tên tất cả các quyền sử dụng đất sau này có liên quan đến các dự án tại huyện Củ Chi, TPHCM
3	22/NQ-EIN-HĐQT	16/06/2021	Bổ nhiệm lại bà Lã Thị Vương Quý giữ chức Kế toán trưởng công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ Điện lực kể từ ngày 01/07/2021, thời hạn bổ nhiệm 01 năm.
4	24/NQ-EIN-HĐQT	21/06/2021	Nghị quyết thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.
5	25/NQ-EIN-HĐQT	22/06/2021	Nghị quyết thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu năm 2021.
6	26/NQ-EIN-HĐQT	22/06/2021	Nghị quyết thông qua nguyên tắc xác định giá chào bán cổ phiếu riêng lẻ; Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán
7	27/NQ-EIN-HĐQT	22/06/2021	Nghị quyết thông qua tiêu chuẩn và Danh sách nhà đầu tư được tham gia mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược, Việc không thực hiện tách phiếu của cổ đông có lợi ích có liên quan
8	128/NQ-EIN-HĐQT	22/06/2021	Nghị quyết thống nhất chọn Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán phía Nam (AACs) là đơn vị soát xét BCTC 6 tháng và kiểm toán BCTC năm 2021 của Công ty CP Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ Điện lực
9	32/NQ-EIN-HĐQT	12/07/2021	Nghị quyết về việc bổ nhiệm lại chức danh Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật Công ty CP Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ Điện lực
10	40/NQ-EIN-HĐQT	14/09/2021	Nghị quyết bổ nhiệm lại ông Phùng Hoài Ngọc giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ điện lực - Khách sạn Du lịch Điện lực kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ điện lực - Khách sạn Du lịch Điện lực Vũng Tàu
11	43/NQ-EIN-HĐQT	30/10/2021	

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Không có

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có



BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Bà HÀ THÙY NGÂN
Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày sinh: 27/08/1982

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần giải pháp thanh toán Điện lực và Viễn thông.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 CP, chiếm 0% VDL

- Đại diện: 0 CP, chiếm 0% VDL
- Cá nhân sở hữu: 0 CP, chiếm 0% VDL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Ông Lê Thanh Tùng là chồng của bà Hà Thùy Ngân nắm giữ 14 CP chiếm 0,00003% VDL

Quá trình công tác

2004 - 2008	Kế toán tổng hợp Công ty TNHH TM DV XD Đan Hạ
2008 - 2011	Kế toán tổng hợp CTCP Phần mềm Kim Long
2011 - 2016	Trưởng phòng KTTC CTCP Giải pháp thanh toán Điện lực và Viễn thông
2016 - nay	Kế toán trưởng CTCP Giải pháp thanh toán Điện lực và Viễn thông;
2016 - 2021	Chuyên viên nhân sự CTCP Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ Điện lực

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Hà Thùy Ngân	Trưởng Ban Kiểm soát	0	0%
2	Bà Đỗ Thị Kim Dung	Kiểm soát viên	0	0%
3	Bà Phan Thị Hoàng Yến	Kiểm soát viên	0	0%

Bà ĐỖ THỊ KIM DUNG
Kiểm soát viên

Ngày sinh: 15/11/1984

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 CP, chiếm 0% VDL

- Đại diện: 0 CP, chiếm 0% VDL
- Cá nhân sở hữu: 0 CP, chiếm 0% VDL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Quá trình công tác

2006 - 2007	Cộng tác viên Tập đoàn Năng lượng Hạt nhân Areva (Pháp)
2007 - 2008	Kế toán tổng hợp văn phòng đại diện tập đoàn APCO WORLDWIDE tại Hà Nội
2008 - 2010	Kế toán tổng hợp CTCP Công nghệ phần mềm và nội dung số OSP
2010 - 2016	Trưởng phòng kế toán tổng hợp CTCP Giải pháp thanh toán Điện lực và Viễn thông
2016 - nay	Làm việc tại CTCP Giải pháp đầu tư Thái Sơn



QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

Bà PHAN THỊ HOÀNG YẾN
Kiểm soát viên

Ngày sinh:	14/07/1988
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:	- Kế toán trưởng công ty cổ phần giải pháp thanh toán Ecpay Global.
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:	0 CP, chiếm 0% VDL <ul style="list-style-type: none"> Đại diện: 0 CP, chiếm 0% VDL Cá nhân sở hữu: 0 CP, chiếm 0% VDL
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:	Không có

Quá trình công tác

2011 - 2013	Kế toán Công ty cổ phần Giải pháp thanh toán Điện lực và Viễn thông
2013 - 2014	Kế toán Công ty TNHH Đầu Tư Nông Nghiệp Thuận Phát
2014 - 2021	Trưởng phòng Kế toán đối soát Chi nhánh Công ty TNHH Đầu Tư Nông Nghiệp Thuận Phát
2021 - nay	Kế toán trưởng công ty cổ phần giải pháp thanh toán Ecpay Global

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BKS TRONG NĂM

Không có thay đổi trong danh sách thành viên Ban Kiểm soát năm 2021

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc.
- Xem xét thủ tục pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty.
- Kiểm tra công tác xây dựng cơ bản, triển khai các dự án tại Công ty
- HĐQT và Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt công tác phối hợp với Ban kiểm soát, tạo mọi điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện công tác kiểm tra giám sát.
- Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp HĐQT, tham gia góp ý kiến một số nội dung liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản trị Công ty nhằm nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các Quyết định của HĐQT và Tổng Giám đốc, giúp cho công tác kiểm tra, giám sát kịp thời và thuận tiện hơn.

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Hà Thùy Ngân	Trưởng Ban Kiểm soát	04	100%
2	Bà Đỗ Thị Kim Dung	Kiểm soát viên	04	100%
3	Bà Phan Thị Hoàng Yến	Kiểm soát viên	04	100%



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương, thù lao (Đồng)
1	Ông Lê Quang Bình	Chủ tịch HĐQT	159.999.996
2	Ông Phùng Hoài Ngọc	Thành viên HĐQT	745.488.000
3	Ông Nguyễn Duy Tân	Thành viên HĐQT	120.000.000
4	Ông Trần Ngọc Thắng	Thành viên HĐQT	120.000.000
5	Ông Hoàng Huy Hùng	Thành viên HĐQT	120.000.000
6	Bà Hà Thùy Ngân	Trưởng Ban Kiểm soát	66.666.660
7	Bà Lê Thị Vương Quý	Kế toán trưởng	362.925.984
8	Bà Đỗ Thị Kim Dung	Kiểm soát viên	39.999.996
9	Bà Hoàng Thị Thu Lại	Phó Tổng Giám đốc Đầu tư	14.166.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Giao dịch	Giá trị giao dịch (Đồng)
1	Bà Lê Thị Phương Liên	Người liên quan của thành viên HĐQT	Nộp tiền đặt cọc mua cổ phần	36.450.000.000
			Lợi tức ủy thác quản lý vốn	245.833.338
			Lãi chiết khấu thu hộ tiền điện	54.021.833.960
			Chuyển tiền hợp tác đầu tư	1.337.123.435.506
			Thu lại tiền hợp tác đầu tư	1.256.843.385.516
2	Công ty Cổ phần Giải pháp thanh toán Điện lực và Viễn Thông	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Cho thuê tài sản đảm bảo	1.543.882.192
			Sử dụng dịch vụ	461.730.746
			Trả tiền	451.545.533
			Cung cấp dịch vụ	7.866.783.315
			Thu tiền	9.375.546.280
3	Công ty Cổ phần Khách Sạn Bến Du Thuyền	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Cung cấp dịch vụ	769.709.273
			Thu tiền	1.203.926.000



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Giao dịch	Giá trị giao dịch (Đồng)
4	Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Thuận Phát	Thành viên HĐQT ECI là Giám đốc Thuận Phát	Sử dụng dịch vụ / Mua hàng hóa	354.000.000
			Chuyển tiền hợp tác đầu tư	116.640.000.000
			Thu lại tiền hợp tác đầu tư	209.291.160.296
			Cung cấp dịch vụ	816.623.818
			Thu tiền	898.286.200
5	Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ TMDV Hòa Bình	Tổng Giám đốc ECI là Chủ tịch của Hòa Bình	Nộp hộ tiền thuế	2.000.000.000
			Cho thuê văn phòng, tiền điện nước	189.632.159
			Thu cho thuê văn phòng, tiền điện nước	189.632.15011
			Nhận tiền	40.000.000.000
			Cung cấp dịch vụ	52.811.818
6	Công ty CP Công nghệ và Thiết bị điện Hà Nội	Cổ đông lớn	Cho thuê tài sản đảm bảo	964.109.589
			Thanh toán công nợ	2.000.000.000
			Cung cấp dịch vụ	306.217.545
			Thu tiền	336.839.300

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Việc quản trị Công ty luôn được Doanh nghiệp quan tâm, chú trọng hàng đầu và đã thực thi theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty nhằm đảm bảo thực hiện các hoạt động của Công ty một cách hiệu quả nhất. Vì mục tiêu, lợi ích của Công ty và cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách chặt chẽ, khuyến khích Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất.
- Công ty đã ban hành hệ thống các quy chế quản lý nội bộ một cách chặt chẽ, căn trọng trên cơ sở thực tiễn doanh nghiệp và phù hợp với qui định của pháp luật. Thông qua các ý kiến đóng góp nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm tra, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích hài hòa giữa cổ đông và Công ty.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại Dịch vụ Điện Lực (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại Dịch vụ Điện Lực có tên giao dịch là Electricity Investment - Service - Trade Joint Stock Company và tên viết tắt là ECINVEST được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần số 4103007426 ngày 30 tháng 7 năm 2007 và thay đổi lần thứ 8 vào ngày 16 tháng 07 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : 841.000.000.000 VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2021 : 454.071.610.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 04 Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở);

Bán buôn sắt, thép, kim loại khác (trừ mua bán vàng miếng);

Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế;

Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, kho bãi;

Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản; tư vấn đầu thầu;

Cho thuê văn phòng, kho bãi. Kinh doanh dịch vụ vui chơi (không hoạt động tại trụ sở)

Đại lý bảo hiểm, đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý bán vé máy bay;

Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;

Bán buôn khác.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty Cổ phần TMDV Xuất nhập khẩu và Du lịch Cuộc sống Việt	Số 4, Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM	70,0%	100,0%	70,0%	100,0%
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Thương mại, Dịch vụ Điện Lực Hà Nội	Số 284A, Ngõ 230, Ngách 21/21, Mễ Trì Thượng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%

Công ty liên kết:

Không có

Cơ sở đồng kiểm soát:

Không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên	Địa chỉ
Văn phòng Công ty	Số 4, Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM.
Khách sạn Du lịch Điện lực	Số 5/11, Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM.
Khách sạn Du lịch Điện lực Vũng Tàu	Số 147 Phan Chu Trinh, phường 12, TP Vũng Tàu.
Chi nhánh Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Điện Lực - Sàn Giao dịch BĐS Ngôi nhà Tương Lai	Số 25 - 25A Tầng Bạt Hồ, quận Bình Thạnh, TP. HCM.

Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Điện Lực - Chi nhánh Hà Nội
Số 89 Giang Văn Minh, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.
(hạch toán độc lập)

Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Điện Lực - Chi nhánh Ninh Thuận
142/2/7 Trịnh Hoài Đức, khu phố 4, phường Mỹ Hải, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

II. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng Quản trị

Ông	LÃ QUANG BÌNH	Chủ tịch
Ông	PHÙNG HOÀI NGỌC	Thành viên
Ông	NGUYỄN DUY TÂN	Thành viên
Ông	HOÀNG HUY HÙNG	Thành viên
Ông	TRẦN NGỌC THẮNG	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông	PHÙNG HOÀI NGỌC	Tổng Giám đốc
Ông	TRẦN NGỌC THẮNG	Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
Bà	HOÀNG THỊ THU LÀI	Phó TGDĐ Đầu tư

Ban Kiểm soát

Bà	HÀ THUY NGÂN	Trưởng ban
Bà	ĐỖ THỊ KIM DUNG	Thành viên
Bà	PHAN THỊ HOÀNG YẾN	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà LÃ THỊ VƯƠNG QUÝ

Đại diện pháp luật

Ông PHÙNG HOÀI NGỌC

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

IV. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện công tác kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

V. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;



HỘI NIÊM TỪ HỘI TƯ ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VI. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại Dịch vụ Điện Lực phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Duyệt, ngày 27 tháng 04 năm 2022
TM. Ban Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại Dịch vụ Điện Lực, được lập ngày 27/04/2022, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại Dịch vụ Điện Lực tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc

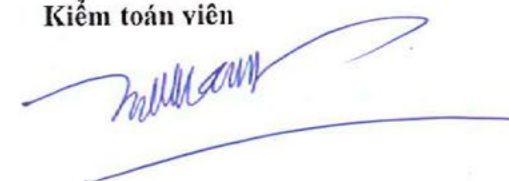


LÊ ĐÌNH AI

Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 3770-2018-142-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2022

Kiểm toán viên



TRẦN NGUYỄN HOÀNG MAI

Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 1755-2018-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.237.483.368.336	1.398.873.625.830
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.371.756.315	1.750.480.521
Tiền	111		5.371.756.315	1.750.480.521
Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		965.290.160.600	1.197.510.402.963
Chứng khoán kinh doanh	121			
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.4	965.290.160.600	1.197.510.402.963
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		207.084.203.168	141.582.897.357
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	9.682.853.385	13.324.361.994
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	82.427.624.503	32.171.951.014
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	121.271.630.699	99.683.724.765
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(6.297.905.419)	(3.597.140.416)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	49.190.818.767	47.973.337.135
Hàng tồn kho	141		49.190.818.767	47.973.337.135
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.546.429.486	10.056.507.854
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	72.639.624	99.380.280
Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.978.016.542	9.461.354.254
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	495.773.320	495.773.320
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		308.150.921.143	310.457.594.346
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		95.967.845.364	95.967.845.364
Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
Trả trước cho người bán dài hạn	212			
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
Phải thu nội bộ dài hạn	214			
Phải thu về cho vay dài hạn	215			
Phải thu dài hạn khác	216	V.5	95.967.845.364	95.967.845.364
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		60.362.400.134	62.310.621.775
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	11.740.858.381	12.407.924.802
- Nguyên giá	222		33.315.935.092	33.315.935.092
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.575.076.711)	(20.908.010.290)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	48.621.541.753	49.902.696.973
- Nguyên giá	228		56.374.580.642	56.374.580.642
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.753.038.889)	(6.471.883.669)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	11.596.527.914	11.801.188.646
- Nguyên giá	231		13.984.236.454	13.984.236.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.387.708.540)	(2.183.047.808)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		137.055.301.770	137.033.819.952
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241			
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	137.055.301.770	137.033.819.952
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.000.000.000	3.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	251			
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.4	3.000.000.000	3.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		168.845.961	344.118.609
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	168.845.961	344.118.609
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
Tài sản dài hạn khác	268			
Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.545.634.289.479	1.709.331.220.176

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.052.811.034.193	1.217.464.781.370
I. Nợ ngắn hạn	310		977.083.516.080	1.137.530.173.257
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	6.290.008.112	11.283.364.834
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	31.704.259.035	31.672.778.773
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	12.833.300.316	21.678.288.326
Phải trả người lao động	314		1.467.727.658	1.614.581.333
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1.148.934.704	3.964.835.871
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	649.501.373.386	474.675.229.683
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	273.928.971.279	592.432.152.847
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		208.941.590	208.941.590
Quỹ bình ổn giá	323			
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		75.727.518.113	79.934.608.113
Phải trả người bán dài hạn	331			
Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
Chi phí phải trả dài hạn	333			
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
Phải trả nội bộ dài hạn	335			
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
Phải trả dài hạn khác	337			
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	75.727.518.113	79.934.608.113
Trái phiếu chuyển đổi	339			
Cổ phiếu ưu đãi	340			
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
Dự phòng phải trả dài hạn	342			
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		492.823.255.286	491.866.438.806
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	492.823.255.286	491.866.438.806
Vốn góp của chủ sở hữu	411		454.071.610.000	454.071.610.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		454.071.610.000	454.071.610.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.000.000.000	1.000.000.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
Vốn khác của chủ sở hữu	414			
Cổ phiếu quỹ	415			
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.773.035.995	2.773.035.995

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34.978.609.291	34.021.792.811
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		34.021.792.811	9.035.132.713
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		956.816.480	24.986.660.098
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
Nguồn kinh phí	431			
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.545.634.289.479	1.709.331.220.176

TP. HCM, ngày 27 tháng 04 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

LÃ THỊ VƯƠNG QUÝ

LÃ THỊ VƯƠNG QUÝ



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	9.395.724.202	109.892.959.663
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	381.104.958	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		9.014.619.244	109.892.959.663
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	11.130.380.847	97.694.893.696
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(2.115.761.603)	12.198.065.967
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	60.760.604.338	70.664.653.818
Chi phí tài chính	22	VI.5	43.115.822.161	33.196.661.388
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		43.115.808.881	32.953.384.345
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			
Chi phí bán hàng	25	VI.8	113.420.327	1.098.869.603
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	13.606.604.834	17.405.089.763
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		1.808.995.413	31.162.099.031
Thu nhập khác	31	VI.6		525.240.033
Chi phí khác	32	VI.7	36.346.344	661.858.293
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(36.346.344)	(136.618.260)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.772.649.069	31.025.480.771
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	815.832.589	6.038.820.673
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		956.816.480	24.986.660.098
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		956.816.480	24.986.660.098
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	21	798
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	21	798

TP. HCM, ngày 27 tháng 04 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

LÃ THỊ VƯƠNG QUÝ

LÃ THỊ VƯƠNG QUÝ



HOÀNG HOÀI NGỌC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.772.649.069	31.025.480.771
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.152.882.373	2.389.720.070
- Các khoản dự phòng	03		2.700.765.003	1.874.646.220
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(60.760.604.338)	(70.570.727.366)
- Chi phí lãi vay	06		43.115.808.881	32.953.384.345
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(11.018.499.012)	(2.327.495.960)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(11.426.411.735)	(66.748.901.160)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(1.217.481.632)	(18.968.871.347)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		156.728.628.299	330.436.470.537
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		202.013.304	254.291.088
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(42.603.745.378)	(32.982.255.029)
- Thuế TNDN đã nộp	15			(746.556.708)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(516.662.288)	(9.302.341.880)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		90.147.841.558	199.614.339.541
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(21.481.818)	(69.075.613.558)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		232.220.242.363	(722.653.013.232)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.984.945.259	46.248.008.855
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		236.183.705.804	(745.480.617.935)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			150.000.000.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
Tiền thu từ đi vay	33		1.051.280.829.642	1.445.854.153.088
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.373.991.101.210)	(1.092.716.695.849)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(75.717.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(322.710.271.568)	503.061.739.939

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		3.621.275.794	(42.804.538.455)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.750.480.521	44.555.018.976
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	V.1	5.371.756.315	1.750.480.521

Lập, ngày 27 tháng 04 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

LÀ THỊ VƯƠNG QUÝ

LÀ THỊ VƯƠNG QUÝ



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Điện Lực có tên giao dịch là Electricity Investment - Service - Trade Joint Stock Company và tên viết tắt là ECINVEST được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần số 4103007426 ngày 30 tháng 7 năm 2007 và thay đổi lần thứ 8 vào ngày 16 tháng 07 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : 841.000.000.000 VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2021 : 454.071.610.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 04 Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở);
Bán buôn sắt, thép, kim loại khác (trừ mua bán vàng miếng);
Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế;
Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, kho bãi;
Dịch vụ môi giới, định giá, sản giao dịch bất động sản; tư vấn đầu thầu;
Cho thuê văn phòng, kho bãi. Kinh doanh dịch vụ vui chơi (không hoạt động tại trụ sở)
Đại lý bảo hiểm, đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý bán vé máy bay;
Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
Bán buôn khác.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty Cổ phần TMDV Xuất nhập khẩu và Du lịch Cuộc sống Việt	Số 4, Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM	70,0%	100,0%	70,0%	100,0%
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Thương mại, Dịch vụ Điện Lực Hà Nội	Số 284A, Ngõ 230, Ngách 21/21, Mễ Trì Thượng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm,	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty liên kết:					
	Không có				
Cơ sở đồng kiểm soát:					
	Không có				

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên Địa chỉ
Văn phòng Công ty Số 4, Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM.
Khách sạn Du lịch Điện lực Số 5/11, Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM.
Khách sạn Du lịch Điện lực Vũng Tàu Số 147 Phan Chu Trinh, phường 12, TP Vũng Tàu.

Chi nhánh Công ty Cổ Phần Đầu tư Số 25 - 25A Tăng Bạt Hổ, quận Bình Thạnh, TP. HCM.
Thương mại Dịch vụ Điện Lực - Sàn
Giao dịch BĐS Ngôi nhà Tương Lai

Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Số 89 Giang Văn Minh, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.
Dịch vụ Điện Lực - Chi nhánh Hà Nội
(hạch toán độc lập)

Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại 142/2/7 Trịnh Hoài Đức, khu phố 4, phường Mỹ Hải, TP. Phan Rang -
Dịch vụ Điện Lực - Chi nhánh Ninh Thuận Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.
Thuận

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

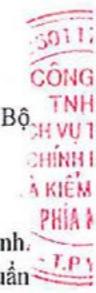
Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.



Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

b. Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong năm. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong năm.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận



Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối năm được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 05	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 12	năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 10	năm
- Các tài sản khác	10	năm
- Tài sản vô hình	05 - 45	năm

6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.



8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.



3
11
1

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành. Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
 - Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

- Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:
- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
 - Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.



15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

20. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

22. Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:
 - + Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;
 - + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát;
 - + Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;
 - + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chi tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:
 - + Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;
 - + Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;
 - + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

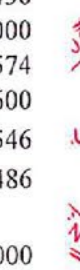
	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	63.450.144	26.921.403
- Tiền gửi ngân hàng	5.308.306.171	1.723.559.118
+ Tiền gửi (VND)	5.292.678.660	1.709.087.718
+ Tiền gửi (USD)	15.627.511	14.471.400
- Tiền đang chuyển		
- Các khoản tương đương tiền		
Cộng	5.371.756.315	1.750.480.521

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
2.1. Ngắn hạn	3.736.578.083	6.408.076.120
Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Trình 585	534.620.500	534.620.500
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP	92.226.000	1.063.754.000
Các đối tượng khác	3.109.731.583	4.809.701.620
2.2. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	5.946.275.302	6.916.285.874
Công ty Cổ phần Giải pháp thanh toán Điện lực và Viễn Thông	4.252.822.033	4.923.679.895
Công Ty Cổ phần Khách Sạn Bến Du Thuyền	1.509.771.854	1.867.017.654
Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ TMDV Hòa Bình	183.681.415	125.588.415
Cộng	9.682.853.385	13.324.361.994

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	82.427.624.503	32.171.951.014
Ban Quản lý Dự án Điện lực Miền Nam		611.748.436
Huỳnh Phước Gia	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Đầu tư Phú Lợi	16.790.610.574	16.790.610.574
Công ty Cổ phần CMA Việt Nam (phí nhập khẩu)	1.400.202.492	6.058.795.600
Công ty Cổ phần Du Lịch Mekong Leisure	3.186.719.121	3.314.252.546
Công ty Cổ phần Hàng Không Vietjet	400.637.285	743.540.486
Công ty Cổ phần Kiến trúc và Nội thất AZ Design	55.575.082.200	
Văn phòng bán vé hãng hàng không Nok Airline Public Co., Ltd. Tại TP. HCM	666.380.000	666.380.000
Các đối tượng khác	2.407.992.831	1.986.623.372
Cộng	82.427.624.503	32.171.951.014



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC
 04 Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

4.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Ngắn hạn</i>				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	86.300.000.000	86.300.000.000	350.358.661.941	350.358.661.941
- Trái phiếu (**)	30.000.000.000	30.000.000.000		
- Các khoản đầu tư khác (***)	848.990.160.600	848.990.160.600	847.151.741.022	847.151.741.022
Cộng	965.290.160.600	965.290.160.600	1.197.510.402.963	1.197.510.402.963

4.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư vào các đơn vị khác</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện lực Việt Nam (Sở hữu 2% vốn điều lệ, tỷ lệ biểu quyết 17,4% vốn thực góp)	3.000.000.000		3.000.000.000	
Cộng	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000

Ghi chú:

(*) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng sau :

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	30.300.000.000	131.358.661.941
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương		150.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 11	56.000.000.000	56.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội		13.000.000.000

(**) Đầu tư trái phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

- Công ty sở hữu 3.000 trái phiếu, mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu, ngày phát hành 29/09/2021, ngày đáo hạn 29/09/2028, lãi trả sau hàng năm, lãi suất trái phiếu: 05 năm đầu là 7,80% ; 02 năm cuối là 8,83%.

(***) Các khoản đầu tư khác bao gồm :

- Công ty CP Giải pháp Thanh toán Điện lực và Viễn Thông - Văn phòng TP. HCM	822.330.531.010	742.050.481.020
Phải thu theo Hợp đồng ủy thác quản lý vốn số 11/2015/PIST-ECPAY/UTQLV ngày 05/09/2015 và Phụ lục số PL 01A.2020/ECINVEST-ECPAY/UTQLV ngày 06/09/2020. Thời hạn hợp đồng / phụ lục 05 năm, lợi tức ủy thác sẽ được ghi cụ thể cho từng Phụ lục hợp đồng tương ứng với từng lần chuyển tiền.		
- Công ty CP Giải pháp Thanh toán Điện lực và Viễn Thông - Chi nhánh Hà Nội	26.659.629.590	105.101.260.002
Phải thu theo Hợp đồng đại lý Thu hộ tiền điện ứng trước số 01-2018/HĐTH/ECPAY-ECINVEST ngày 14/06/2018 và Phụ lục 06/PLHĐ/ECPAY-ECINVEST ngày 05/05/2021. Thời hạn hợp đồng 03 năm, Tỷ lệ chiết khấu được ghi cụ thể cho từng Phụ lục hợp đồng tương ứng với từng lần chuyển tiền.		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC
04 Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
5.1 Ngắn hạn				
- Tạm ứng (*)	35.288.245.703		50.997.132.050	
- Ký cược, ký quỹ	51.500.000		46.500.000	
- Phải thu ngắn hạn khác (**)	85.930.162.939	4.120.728.565	48.637.408.925	1.491.129.023
- Phải trả khác (BHXH)	1.722.057		2.683.790	
Cộng	121.271.630.699	4.120.728.565	99.683.724.765	1.491.129.023
5.2. Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	505.512.000		505.512.000	
- Phải thu dài hạn khác (***)	95.462.333.364		95.462.333.364	
Cộng	95.967.845.364		95.967.845.364	

Ghi chú :

(*) Tạm ứng tại ngày 31/12/2021 bao gồm

	Số cuối năm
Ông Phùng Hoài Ngọc	30.490.220.170
Nhân viên khác	4.798.025.533

(**) Phải thu ngắn hạn tại ngày 31/12/2021 bao gồm :

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Trương Văn Huy	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH TMDV PTN	4.667.424.865	4.618.596.910
Công ty TNHH Nam Long	628.037.690	628.037.690
Công ty CP Giải pháp thanh toán điện lực và Viễn Thông (Ecpay)	68.464.928.814	38.036.091.752
Công ty CP Công nghệ và Thiết bị Điện Hà Nội	5.509.726.027	
Chi tạm ứng khác (Bà Lê Thị Hải Yến)	3.993.784.820	
Công ty TNHH Kinh Doanh và Thương Mại Thịnh Phát	267.142.466	267.142.466
Công ty Cổ phần Khách Sạn Bến Du Thuyền	20.042.875	20.042.875
Các khoản phải thu khác	1.379.075.382	4.067.497.232
Cộng	85.930.162.939	48.637.408.925

(***) Phải thu dài hạn tại ngày 31/12/2021 bao gồm :

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban Quản lý kinh tế Phú Quốc	12.772.280.000	12.772.280.000
HTX Nuôi trồng thủy sản Hà Quang	29.308.601.421	29.308.601.421
Công ty TNHH Đầu tư Nông nghiệp Thuận Phát (a)	48.631.451.943	48.631.451.943
Công ty CP Tư vấn thiết kế Kiến trúc và Xây dựng Đại Sành	750.000.000	750.000.000
HTX Nông nghiệp Bến Thành	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Tiến Hiệp Phát	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	95.462.333.364	95.462.333.364

(a) Hợp đồng chuyển nhượng khoản đầu tư số 10/HĐCNCP/PIST-TPAI ngày 15/12/2015 (Công viên nước Cần Thơ)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC
04 Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6 . NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	29.658.166.878	23.360.261.459	7.123.482.530	3.526.342.114
<i>Chi tiết:</i>				
+ Phải thu khách hàng	766.600.639	5.750.000	755.100.639	
+ Phải thu khác	8.643.720.360	4.522.991.795	4.911.146.586	3.420.017.563
+ Trả trước cho người bán	20.247.845.879	18.831.519.664	1.457.235.305	106.324.551
Cộng	29.658.166.878	23.360.261.459	7.123.482.530	3.526.342.114

7 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hóa	20.186.352.979		18.968.871.347	
- Hàng hóa bất động sản (*)	29.004.465.788		29.004.465.788	
Cộng	49.190.818.767		47.973.337.135	

Ghi chú:

(*) Dự án Chung cư cao tầng An Dương Vương Điện lực được phê duyệt theo Nghị Quyết số 106/NQ-PIST-HĐQT ngày 27/12/2013 của Hội đồng quản trị với tổng mức đầu tư là 153,505 tỷ VND. Tại thời điểm 31/12/2021 tồn kho 06 căn hộ và 03 sàn thương mại được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng.

8 . TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm TSCĐ		
Xây dựng cơ bản dở dang	137.055.301.770	137.033.819.952
Dự án Cồn Khương	31.182.268.473	31.182.268.473
Dự án Bãi Thơm-Phú Quốc	1.349.032.554	1.349.032.554
Dự án KSDL Đà Lạt- Lâm Đồng	183.523.176	183.523.176
Dự án làng vườn và du lịch sinh thái huyện Cù Chi	5.640.301.337	5.640.301.337
Dự án làng nghề hoa- cây cảnh-cá kiếng huyện Cù Chi (36 ha)	2.988.269.091	2.988.269.091
Dự án khách sạn Điện Lực Phan Rang - Ninh Thuận	22.907.511.844	22.907.511.844
Nhà máy điện mặt trời xã Cam Phước Tây - Nha Trang	376.471.081	376.471.081
Nhà máy điện mặt trời xã Phước Hữu - tỉnh Ninh Thuận	19.546.639	19.546.639
Dự án Thiên Đường nước Cần Thơ	3.850.670.818	3.847.370.818
Cải tạo nâng cấp Khách sạn Vũng Tàu	68.557.706.757	68.539.524.939
Cộng	137.055.301.770	137.033.819.952

9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	25.138.898.618	535.988.000	6.885.072.076	755.976.398		33.315.935.092
Số tăng trong năm						
- Mua trong năm						
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác						
Số giảm trong năm						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	25.138.898.618	535.988.000	6.885.072.076	755.976.398		33.315.935.092
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	12.806.565.875	481.986.850	6.863.481.167	755.976.398		20.908.010.290
Số tăng trong năm						
- Khấu hao trong năm	610.374.012	35.101.500	21.590.909			667.066.421
- Tăng khác	610.374.012	35.101.500	21.590.909			667.066.421
Số giảm trong năm						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	13.416.939.887	517.088.350	6.885.072.076	755.976.398		21.575.076.711
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	12.332.332.743	54.001.150	21.590.909			12.407.924.802
Tại ngày cuối năm	11.721.958.731	18.899.650				11.740.858.381

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý

VND
8.077.265.101 VND
VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC
 04 Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Giấy phép và Giấy phép nhượng quyền	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	55.888.730.642		485.850.000			56.374.580.642
Số tăng trong năm						
- Mua trong năm						
- Tạo ra từ nội bộ						
- Tăng do hợp nhất kinh doanh						
- Tăng khác						
Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	55.888.730.642		485.850.000			56.374.580.642
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	6.010.674.798		461.208.871			6.471.883.669
Số tăng trong năm	1.265.405.220		15.750.000			1.281.155.220
- Khấu hao trong năm	1.265.405.220		15.750.000			1.281.155.220
- Tăng khác						
Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	7.276.080.018		476.958.871			7.753.038.889
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	49.878.055.844		24.641.129			49.902.696.973
Tại ngày cuối năm	48.612.650.624		8.891.129			48.621.541.753

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

48.612.650.624 VND
 407.100.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC
 04 Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

11 . TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a. Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	13.984.236.454			13.984.236.454
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất	13.984.236.454			13.984.236.454
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế	2.183.047.808	204.660.732		2.387.708.540
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất	2.183.047.808	204.660.732		2.387.708.540
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại	11.801.188.646			11.596.527.914
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất	11.801.188.646			11.596.527.914
- Cơ sở hạ tầng				

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của BĐS đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay : 11.596.527.914 VND
- Nguyên giá BĐSĐT cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá : không
- Thuyết minh số liệu và giải trình khác : không



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC

04 Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

12 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

12.1 Ngắn hạn

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay Ngân hàng:						
Ngân hàng Nông nghiệp-PTNT Chi nhánh Đồng Đa				27.588.000.000	27.588.000.000	27.588.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương - Hội sở	34.777.346.367	34.777.346.367	280.500.000.000	545.722.653.633	300.000.000.000	300.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín- Chi nhánh Bắc Sài Gòn	108.880.000.000	108.880.000.000	557.381.681.208	608.313.167.786	159.811.486.578	159.811.486.578
Ngân hàng Nông nghiệp-PTNT Chi nhánh 11	80.000.000.000	80.000.000.000	160.000.000.000	160.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM-Chi nhánh Phú Nhuận	271.624.912	271.624.912	3.399.148.434	3.475.798.642	348.275.120	348.275.120
Ngân hàng Nông nghiệp-PTNT Chi nhánh Đồng Đa	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000			
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Hà Nội				24.684.391.149	24.684.391.149	24.684.391.149
Cộng	273.928.971.279	273.928.971.279	1.051.280.829.642	1.369.784.011.210	592.432.152.847	592.432.152.847

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số/ngày của hợp đồng vay	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối năm	Hình thức đảm bảo khoản vay
Hợp đồng tín dụng số 26/2020/HĐTĐHMDP-PN ngày 08/10/2020	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương - Hội sở	Tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày giải ngân	Theo từng giấy nhận nợ	34.777.346.367	Hợp đồng tiền gửi, quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng đại lý.
Hợp đồng tín dụng hạn mức số CBSG.DN.27250621 ngày 05/07/2021	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín- Chi nhánh Bắc Sài Gòn	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	108.880.000.000	Nhà và quyền sử dụng đất, tài sản của bên thứ ba

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC

04 Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Hợp đồng tín dụng số 6480-LAV-202000242 ngày 06/08/2020	Ngân hàng Nông nghiệp-PTNT Chi nhánh 11	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	80.000.000.000	Hợp đồng tiền gửi
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 32819/20MN/HĐTĐ ngày 23/10/2020	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM- Chi nhánh Phú Nhuận	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	271.624.912	
Hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-202100186 ngày 13/07/2021	Ngân hàng Nông nghiệp-PTNT Chi nhánh Đồng Đa	Theo từng giấy nhận nợ - 6 tháng	8,5 % / năm	50.000.000.000	Nhà và quyền sử dụng đất
Cộng				273.928.971.279	

12.2. Dài hạn

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín- Chi nhánh Bắc Sài Gòn	75.727.518.113	75.727.518.113		4.207.090.000	79.934.608.113	79.934.608.113
Cộng	75.727.518.113	75.727.518.113		4.207.090.000	79.934.608.113	79.934.608.113

Ghi chú:

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số/ngày của hợp đồng vay	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối năm	Hình thức đảm bảo khoản vay
Hợp đồng tín dụng từng lần số CBSG.DN 27011220 ngày 02/12/2020	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín- Chi nhánh Bắc Sài Gòn	120 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	75.727.518.113	Nhà và quyền sử dụng đất, tài sản của bên thứ ba
Cộng				75.727.518.113	

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
13.1. Ngắn hạn		
- CCDC xuất dùng		8.582.575
- Chi phí khác	72.639.624	90.797.705
Cộng	72.639.624	99.380.280
13.2. Dài hạn		
- CCDC xuất dùng	168.845.961	256.971.830
- Chi phí sửa chữa lớn		87.146.779
Cộng	168.845.961	344.118.609

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
14.1 Ngắn hạn				
Tổng Công ty Xây Dựng số 1 Công ty TNHH Hồ Phi Long Công ty Cổ phần TMDV Quảng cáo và Du lịch Ngọc Việt	536.731.647	536.731.647	536.731.647	536.731.647
Công ty TNHH P.N.R	104.858.414	104.858.414	375.344.284	375.344.284
Các đối tượng khác	1.219.502.243	1.219.502.243	3.147.140.830	3.147.140.830
14.2. Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị điện Hà Nội	2.724.060.773	2.724.060.773	4.724.060.773	4.724.060.773
Công ty Cổ phần Khách Sạn Bến Du Thuyền	1.304.251.300	1.304.251.300	1.304.251.300	1.304.251.300
Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Thuận Phát	389.400.000	389.400.000		
Công ty Cổ phần Giải pháp thanh toán Điện lực và Viễn Thông	11.203.735	11.203.735		
Cộng	6.290.008.112	6.290.008.112	11.283.364.834	11.283.364.834

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
15.1 Ngắn hạn				
Nhận đặt cọc mua căn hộ chung cư Peridot Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Đầu tư Phú Lợi	5.030.000.000	5.030.000.000	5.030.000.000	5.030.000.000
Các đối tượng khác	2.364.299.033	2.364.299.033	2.332.818.771	2.332.818.771
15.2. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị điện Hà Nội	19.759.200.000	19.759.200.000	19.759.200.000	19.759.200.000
Cộng	31.704.259.035	31.704.259.035	31.672.778.773	31.672.778.773

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
15.1. Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	8.334.968.365	117.089.711	7.710.093.345	741.964.731
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.711.235.871	815.832.589	2.547.721.524	6.979.346.936
Thuế thu nhập cá nhân	626.056.209	163.883.667	344.707.988	445.231.888
Tiền thuế đất+Thuế sử dụng đất	4.006.027.881	660.728.880		4.666.756.761
Thuế môn bài		14.000.000	14.000.000	
Cộng	21.678.288.326	1.771.534.847	10.616.522.857	12.833.300.316
15.2. Thuế và các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp				493.718.232
Thuế thu nhập cá nhân				2.055.088
Cộng				495.773.320

Ghi chú: Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Trích trước chi phí lãi vay	1.069.354.823	557.291.320
- Chi phí lô gỗ (kho bãi +phí nhập khẩu)		3.250.000.000
- Chi phí trích trước khác	79.579.881	157.544.551
Cộng	1.148.934.704	3.964.835.871

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết		79.642.436
- Kinh phí công đoàn	106.604.777	118.869
- BHXH, BHYT, BHTN	37.091.821	
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	649.316.676.788	474.554.468.378
- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	41.000.000	41.000.000
Cộng	649.501.373.386	474.675.229.683

Ghi chú (*):

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Giải pháp Đầu tư Thái Sơn	46.971.350.815	46.971.350.815
Công ty Cổ phần Giải pháp thanh toán Điện lực và Viễn Thông	49.283.890	
Công ty TNHH Đầu tư Nông nghiệp Thuận Phát	485.766.960.321	393.115.800.025
Cổ đông góp vốn đợt 3 và 4	4.821.551.250	4.823.884.590
Tạm giữ 2% phí bảo trì căn hộ Peridot do khách hàng nộp	894.889.947	894.889.947

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC

Báo cáo tài chính hợp nhất

04 Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chi cô tức năm 2010	813.546.638	814.086.638
Chi cô tức năm 2016	6.574.843.960	6.801.628.480
Tổng Công ty TNHH Miền Nam-TNHH	2.225.707.898	1.448.375.946
Ông Trần Ngọc Thắng	6.650.000.000	6.650.000.000
Công ty Cổ phần Khách Sạn Bến Du Thuyền	10.636.870.672	10.636.870.672
Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ TMDV Hòa Bình	42.468.005.742	
Bà Lê Thị Phương Liên	36.450.000.000	
Thù lao HĐQT	2.006.666.622	1.219.999.974
Ông Hoàng Huy Hùng	842.000.000	
Các khoản phải trả phải nộp khác	2.144.999.033	1.177.581.291

501
 CỘNG
 HỮU
 HỮU
 KIẾ
 PHÁP
 11

163-C.T.C.P.
 Y
 N
 G MẠI
 C
 MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC
 04 Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	304.071.610.000	1.000.000.000		2.773.035.995	9.035.132.713	316.879.778.708
- Tăng vốn trong năm trước	150.000.000.000					150.000.000.000
- Lãi trong năm trước					24.986.660.098	24.986.660.098
- Tăng khác						
- Phân phối lợi nhuận						
- Lỗ trong năm trước						
- Giảm khác						
Số dư đầu năm nay	454.071.610.000	1.000.000.000		2.773.035.995	34.021.792.811	491.866.438.806
- Tăng vốn trong năm nay						
- Lãi trong năm nay					956.816.480	956.816.480
- Tăng khác						
- Phân phối lợi nhuận						
- Lỗ trong năm nay						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm nay	454.071.610.000	1.000.000.000		2.773.035.995	34.978.609.291	492.823.255.286

19.2. Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt tăng vốn do phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 26/05/2020

Ngày	Nội dung	Số tiền
28/05/2020	Mở tài khoản tiền gửi có kỳ hạn (*)	20.000.000.000
29/05/2020	Mở tài khoản tiền gửi có kỳ hạn (**)	130.000.000.000
	Cộng	150.000.000.000

(*) Vào ngày 28/12/2020, khoản tiền gửi có kỳ hạn này được dùng để thanh toán cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín theo Hợp đồng cấp tín dụng khung số CBSG.HĐTD.26210920 ngày 24/09/2020.

(**) Vào ngày 20/01/2021, khoản tiền gửi có kỳ hạn này được chuyển vào tài khoản của Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị điện Hà Nội theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Giải pháp Thanh toán Điện lực và Viễn Thông để thanh toán công nợ giữa hai đơn vị này; đồng thời Công ty ghi nhận là khoản tiền phải thu theo Hợp đồng đại lý Thu hộ tiền điện ứng trước số 01-2018/HĐTH/ECPAY-ECINVEST ngày 14/06/2018 và Phụ lục 06/PLHĐ/ECPAY-ECINVEST ngày 05/05/2021 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Giải pháp Thanh toán Điện lực và Viễn Thông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC

04 Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC

04 Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

19.3. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm
Vốn góp của Công ty mẹ				
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	454.071.610.000	100%	454.071.610.000
Cộng		454.071.610.000		454.071.610.000

- Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm
- Số lượng cổ phiếu quỹ

19.4. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	454.071.610.000	304.071.610.000
+ Vốn góp tăng trong năm		150.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	454.071.610.000	454.071.610.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	(226.784.520)	(75.717.300)

19.5. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	84.100.000	84.100.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	45.407.161	45.407.161
+ Cổ phiếu phổ thông	45.407.161	45.407.161
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.407.161	45.407.161
+ Cổ phiếu phổ thông	45.407.161	45.407.161
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

19.6. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

19.7. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	2.773.035.995	2.773.035.995
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

20.1. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	751,41	430,29

20.2. Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	Nguyên tệ	VND	Thời điểm xóa sổ	Nguyên nhân xóa sổ
- Nguyễn Duy Phương		66.000.000		
- Đỗ Minh Sơn		10.000.000		
- Nguyễn Văn Đầu		9.232.003		
- Công ty TNHH Kiến trúc và Xây dựng Trà Khúc		4.000.000		
- Điện lực Hóc Môn		6.971.538		
- Đối tượng khác		9.018.708		
Cộng		105.222.249		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu		
- Doanh thu dịch vụ nhà hàng khách sạn		10.963.300.206
- Doanh thu kinh doanh bất động sản		245.454.546
- Doanh thu bán hàng hóa		61.128.000.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.395.724.202	37.556.204.911
Cộng	9.395.724.202	109.892.959.663

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán	120.354.337	
- Hàng bán bị trả lại	260.750.621	
Cộng	381.104.958	

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn dịch vụ nhà hàng khách sạn	858.516.300	5.283.915.330
- Giá vốn kinh doanh bất động sản		344.569.224
- Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	10.271.864.547	38.650.444.442
- Giá vốn bán hàng hóa		53.415.964.700
Cộng	11.130.380.847	97.694.893.696

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.984.945.259	9.741.507.887
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		73.832.655
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	56.775.659.079	60.849.313.276
- Doanh thu hoạt động tài chính khác (*)		
Cộng	60.760.604.338	70.664.653.818

(*) Ghi chú

- Lãi chiết khấu thu hộ tiền điện 54.267.667.298

Lãi chiết khấu theo Hợp đồng đại lý Thu hộ tiền điện ứng trước số 01-2018/HĐTH/ECPAY-ECINVEST ngày 14/06/2018. Thời hạn hợp đồng 05 năm, Tỷ lệ chiết khấu được ghi cụ thể cho từng Phụ lục hợp đồng tương ứng với từng lần chuyển tiền. 54.021.833.960

Lợi tức theo Hợp đồng ủy thác quản lý vốn số 11/2015/PIST-ECPAY/UTQLV ngày 05/09/2015. Thời hạn hợp đồng 05 năm, lợi tức ủy thác sẽ được ghi cụ thể cho từng Phụ lục hợp đồng tương ứng với từng lần chuyển tiền. 245.833.338

- Doanh thu tài chính khác (cho thuê tài sản đảm bảo + khác) 2.507.991.781

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC
04 Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	43.115.808.881	32.953.384.345
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.280	3.880.080
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		239.396.963
- Chi phí tài chính khác (phân chia lợi nhuận hợp tác đầu tư) Cộng	43.115.822.161	33.196.661.388

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		128.170.000
- Tiền phạt thu được		397.070.033
- Các khoản khác Cộng		525.240.033

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý TSCĐ, CCDC		20.093.797
- Các khoản tiền nộp phạt kể cả vi phạm hành chính	16.911.874	9.458.103
- Điều chỉnh nợ phải trả theo xác nhận nợ		
- Tài trợ kinh phí làm đường		
- Các khoản khác Cộng	19.434.470	632.306.393
	36.346.344	661.858.293

8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
8.1. Chi phí bán hàng		1.666.666
- Chi phí lương nhân viên bán hàng		
- Chi phí khác bằng tiền Cộng	113.420.327	1.097.202.937
	113.420.327	1.098.869.603

8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nguyên, vật liệu	167.585.129	134.818.424
- Chi phí công cụ, dụng cụ	175.537.903	428.562.250
- Chi phí nhân công	4.086.127.248	7.404.970.983
- Chi phí khấu hao	1.299.160.620	1.527.401.640
- Thuế, phí, lệ phí	674.728.880	688.235.539
- Chi phí dự phòng	2.700.765.003	1.874.646.220
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.397.860.469	1.017.411.562
- Chi phí khác bằng tiền	3.104.839.582	4.329.043.143
Cộng	13.606.604.834	17.405.089.763

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	167.585.129	42.207.948
- Chi phí công cụ, dụng cụ	175.537.903	860.899.002
- Chi phí nhân công	5.911.205.950	4.860.956.130
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.179.267.829	1.105.821.870
- Thuế, phí, lệ phí	674.728.880	18.284.184
- Chi phí dự phòng	2.700.765.003	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.703.744.409	19.144.671.920
- Chi phí bằng tiền khác	3.337.570.905	1.903.635.185
Cộng	24.850.406.008	27.936.476.239

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC
04 Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	815.832.589	6.038.820.673
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay Cộng	815.832.589	6.038.820.673

11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	956.816.480	24.986.660.098
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	956.816.480	24.986.660.098
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	45.407.161	31.311.271
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	798

Ghi chú:

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay là số dự kiến trích bằng tỷ lệ năm trước của Công ty.

12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	956.816.480	24.986.660.098
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	45.407.161	31.311.271
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	21	798

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC
 04 Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

- 1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai
 Trong năm 2021, Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

- 2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng
 Trong năm 2021, Công ty không phát sinh các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

- 3 . Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.051.280.829.642
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	

- 4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm

	Năm nay
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.373.991.101.210
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	

5011
 CÔNG
 TY
 DỊCH VỤ
 ĐIỆN LỰC
 NỘI NEAM
 TIN HỢI TỰ
 ĐẦU TƯ -
 THƯƠNG MẠI
 VÀ DỊCH VỤ
 CÔNG TY CỔ PHẦN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC
 04 Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Thông tin về Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo các đơn vị dịch vụ và lĩnh vực kinh doanh :

Khoản mục	Kinh doanh Bất động sản	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ	Kinh doanh thương mại	Kinh doanh lữ hành và đại lý vé máy bay	Kinh doanh dịch vụ khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần				9.014.619.244		9.014.619.244
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài				9.014.619.244		9.014.619.244
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác						
Giá vốn		858.516.300		10.271.864.547		11.130.380.847
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài		858.516.300		10.271.864.547		11.130.380.847
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận						
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế		(858.516.300)		(1.257.245.303)		(2.115.761.603)
Doanh thu hoạt động tài chính						60.760.604.338
Chi phí tài chính						43.115.822.161
Chi phí bán hàng						113.420.327
Chi phí quản lý doanh nghiệp						13.606.604.834
Thu nhập khác						
Chi phí khác						36.346.344
Chi phí thuế TNDN hiện hành						815.832.589
Tổng lợi nhuận sau thuế						956.816.480
Tổng chi phí mua tài sản						
Tài sản bộ phận	40.600.993.702	5.105.474.437		17.999.450.809		63.705.918.948
Tài sản bộ phận phân bổ						1.478.928.370.531
Tài sản không phân bổ						3.000.000.000
Tổng tài sản	40.600.993.702	5.105.474.437		17.999.450.809		1.545.634.289.479
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	4.925.422.347	7.082.506.722	7.312.514.400	12.844.025.816		32.164.469.285
Nợ phải trả bộ phận phân bổ						746.717.593.629
Nợ phải trả không phân bổ						273.928.971.279
Tổng cộng nợ	4.925.422.347	7.082.506.722	7.312.514.400	12.844.025.816		1.052.811.034.193

2. Thông tin về các bên liên quan

2.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt:

Chi phí của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Tiền lương, thù lao	Năm nay
Lã Quang Bình	159.999.996
Phùng Hoài Ngọc	745.488.000
Nguyễn Duy Tân	120.000.000
Trần Ngọc Thắng	120.000.000
Hoàng Huy Hùng	120.000.000
Hà Thùy Ngân	66.666.660
Lã Thị Vương Quý	362.925.984
Đỗ Thị Kim Dung	39.999.996
Hoàng Thị Thu Lài	14.166.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu (Ông Phùng Hoài Ngọc)	30.490.220.170	46.508.055.170
Phải trả (Ông Trần Ngọc Thắng)	6.650.000.000	6.650.000.000
Phải trả (Ông Hoàng Huy Hùng)	842.000.000	
Phải trả (Thù lao HĐQT chưa chi)	2.006.666.622	1.219.999.974

2.2. Giao dịch với các bên liên quan cá nhân khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Bà Lã Thị Phương Liên	Người liên quan của thành viên HĐQT	Nộp tiền đặt cọc mua cổ phần	36.450.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu		
Phải trả	36.450.000.000	

2.3. Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức

Bên liên quan	Mối quan hệ	Sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Giải pháp thanh toán Điện lực và Viễn Thông	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	0,00%
Công ty Cổ phần Khách Sạn Bến Du Thuyền	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	0,00%
Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Thuận Phát	Thành viên HĐQT ECI là Giám đốc Thuận Phát	0,00%
Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ TMDV Hòa Bình	Tổng Giám đốc ECI là Chủ tịch của Hòa Bình	0,00%
Công ty Cổ phần Giải pháp Đầu tư Thái Sơn	Cổ đông lớn	20,29%
Công ty CP Công nghệ và Thiết bị điện Hà Nội	Cổ đông lớn	33,03%

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty Cổ phần Giải pháp thanh toán Điện lực và Viễn Thông	Lợi tức ủy thác quản lý vốn	245.833.338
	Lãi chiết khấu thu hộ tiền điện	54.021.833.960

	Chuyển tiền hợp tác đầu tư	1.337.123.435.506
	Thu lại tiền hợp tác đầu tư	1.256.843.385.516
	Cho thuê tài sản đảm bảo	1.543.882.192
	Sử dụng dịch vụ	461.730.746
	Trả tiền	451.545.533
	Cung cấp dịch vụ	7.866.783.315
	Thu tiền	9.375.546.280
Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Thuận Phát	Sử dụng dịch vụ / Mua hàng hóa	354.000.000
	Chuyển tiền hợp tác đầu tư	116.640.000.000
	Thu tiền hợp tác đầu tư	209.291.160.296
	Cung cấp dịch vụ	816.623.818
	Thu tiền	898.286.200
Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ TMDV Hòa Bình	Nộp hộ tiền thuế	2.000.000.000
	Cho thuê văn phòng, tiền điện nước	189.632.159
	Thu cho thuê văn phòng, tiền điện nước	189.632.159
	Nhận tiền	40.000.000.000
	Cung cấp dịch vụ	52.811.818
Công ty CP Công nghệ và Thiết bị điện Hà Nội	Cho thuê tài sản đảm bảo	964.109.589
	Thanh toán công nợ	2.000.000.000
	Cung cấp dịch vụ	306.217.545
	Thu tiền	336.839.300
Công ty Cổ phần Khách Sạn Bến Du Thuyền	Cung cấp dịch vụ	769.709.273
	Thu tiền	1.203.926.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Giá trị
Công ty Cổ phần Giải pháp thanh toán Điện lực và Viễn Thông	Nợ phải thu	68.472.928.814
	Nợ phải trả	60.487.625
	Hợp tác đầu tư	848.990.160.600
Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ TMDV Hòa Bình	Nợ phải thu	
	Nợ phải trả	42.468.005.742
Công ty TNHH Đầu tư nông nghiệp Thuận Phát	Nợ phải thu	48.631.451.943
	Nợ phải trả	485.766.960.321
Công ty Cổ phần Khách Sạn Bến Du Thuyền	Nợ phải thu	20.042.875
	Nợ phải trả	11.941.121.972
Công ty Cổ phần Giải pháp Đầu tư Thái Sơn	Nợ phải thu	
	Nợ phải trả	46.971.350.815
Công ty CP Công nghệ và Thiết bị điện Hà Nội	Nợ phải thu	5.693.407.442
	Nợ phải trả	22.483.260.773

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC
04 Nguyễn Siêu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 27 tháng 04 năm 2022
Tổng Giám đốc



LÃ THỊ VƯƠNG QUÝ

LÃ THỊ VƯƠNG QUÝ

PHÙNG HOÀI NGỌC



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 05 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



PHÙNG HOÀI NGỌC